

Số: 08/2023/CBTT/TDBECO

Cần Thơ, ngày 10 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
 - Mã chứng khoán: STD
 - Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
 - Điện thoại liên hệ: 02923.842538 Fax: 02923.842310
 - E-mail: info@sgtd.com.vn
 - Loại thông tin công bố: Định kỳ ☒ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☐

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2022 được công bố trên website ngày 10/4/2023

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/4/2023 tại đường dẫn: www.biasaigontaydo.com.vn/quan-he-co-dong.html hoặc <http://ezsearch.fpts.com.vn/Services/EzData/default2.aspx?s=1871>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CP BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT
SÀI GÒN – TÂY ĐÔ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu.



Trần Long Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ

BIA
SAIGON®

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022





MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 10 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 11 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 12 Định hướng phát triển
- 14 Các rủi ro

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 18 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 22 Tổ chức và nhân sự
- 28 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 30 Tình hình tài chính
- 34 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 36 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 40 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- 42 Tình hình tài chính
- 45 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 46 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 48 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 49 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 52 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 52 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 53 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 56 Hội đồng quản trị
- 62 Ban kiểm soát
- 66 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

1

THÔNG TIN CHUNG

- » 06 Thông tin khái quát
- » 10 Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh
- » 11 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- » 12 Định hướng phát triển
- » 14 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ
- **Tên tiếng anh:** SAIGON - TAY DO BEER - BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt:** TDBECO
- **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:** 1800641942 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 21 tháng 09 năm 2006 cấp thay đổi lần 5, ngày 09 tháng 06 năm 2022.



Vốn điều lệ

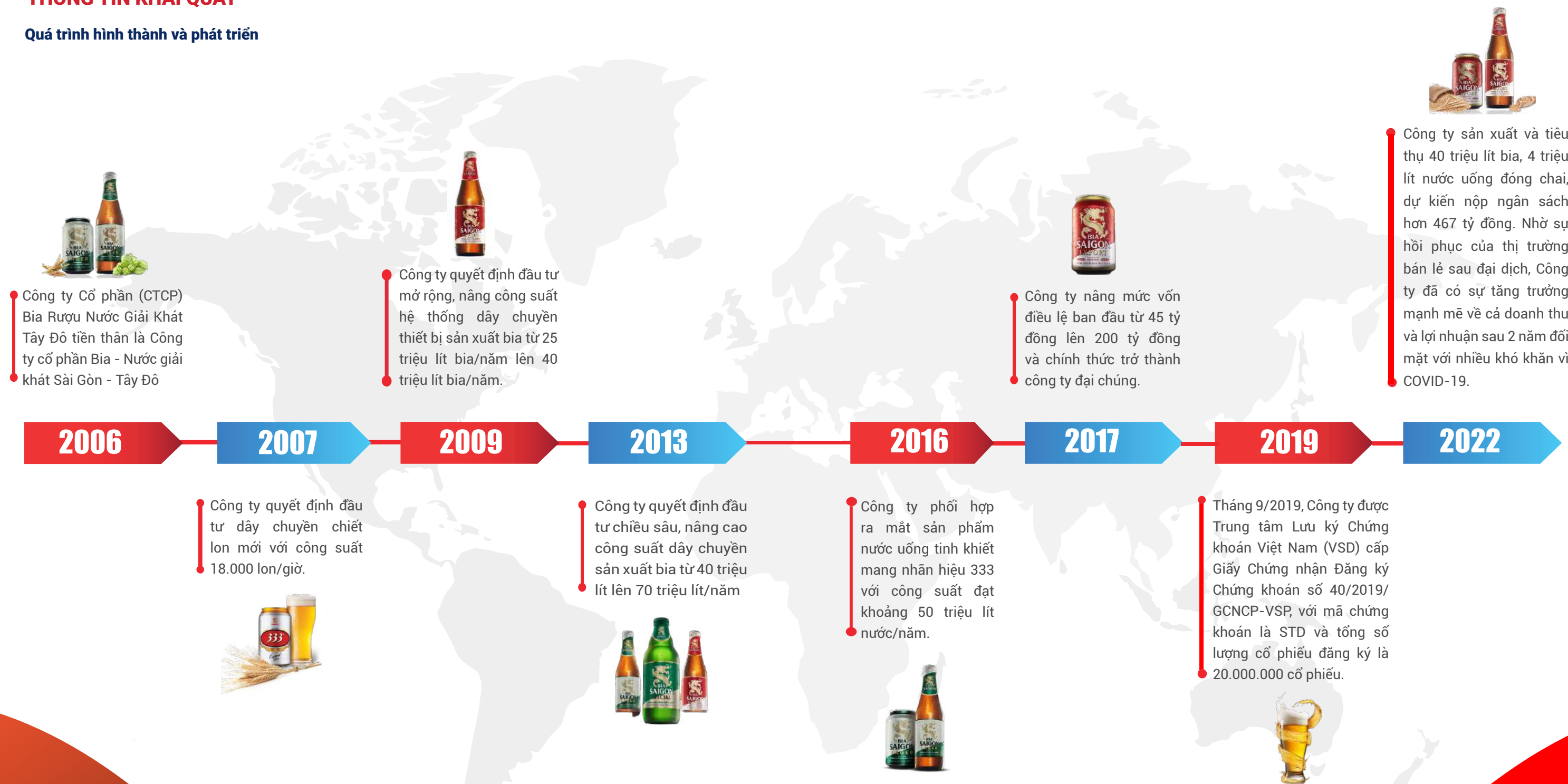
200.000.000.000 VNĐ

- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 279.852.336.262 đồng
- **Địa chỉ:** Lô 22, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- **Số điện thoại:** 02923 842 538
- **Số Fax:** 02923 842 310
- **Website:** www.biasaigontaydo.com.vn/quan-he-co-dong.html hoặc <http://ezsearch.fpts.com.vn/Services/EzData/default2.aspx?s=1871>
- **Mã cổ phiếu:** STD



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Quá trình hình thành và phát triển



» THÔNG TIN CHUNG

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia với các sản phẩm chủ lực là Bia 333, Sài Gòn Export, Sài Gòn Lager.
- Sản xuất đồ uống không cồn.

Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm bia và nước uống đóng chai của Công ty được người tiêu dùng ngày càng tín nhiệm, đặc biệt là khu vực thành phố Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Tây Nam Bộ.

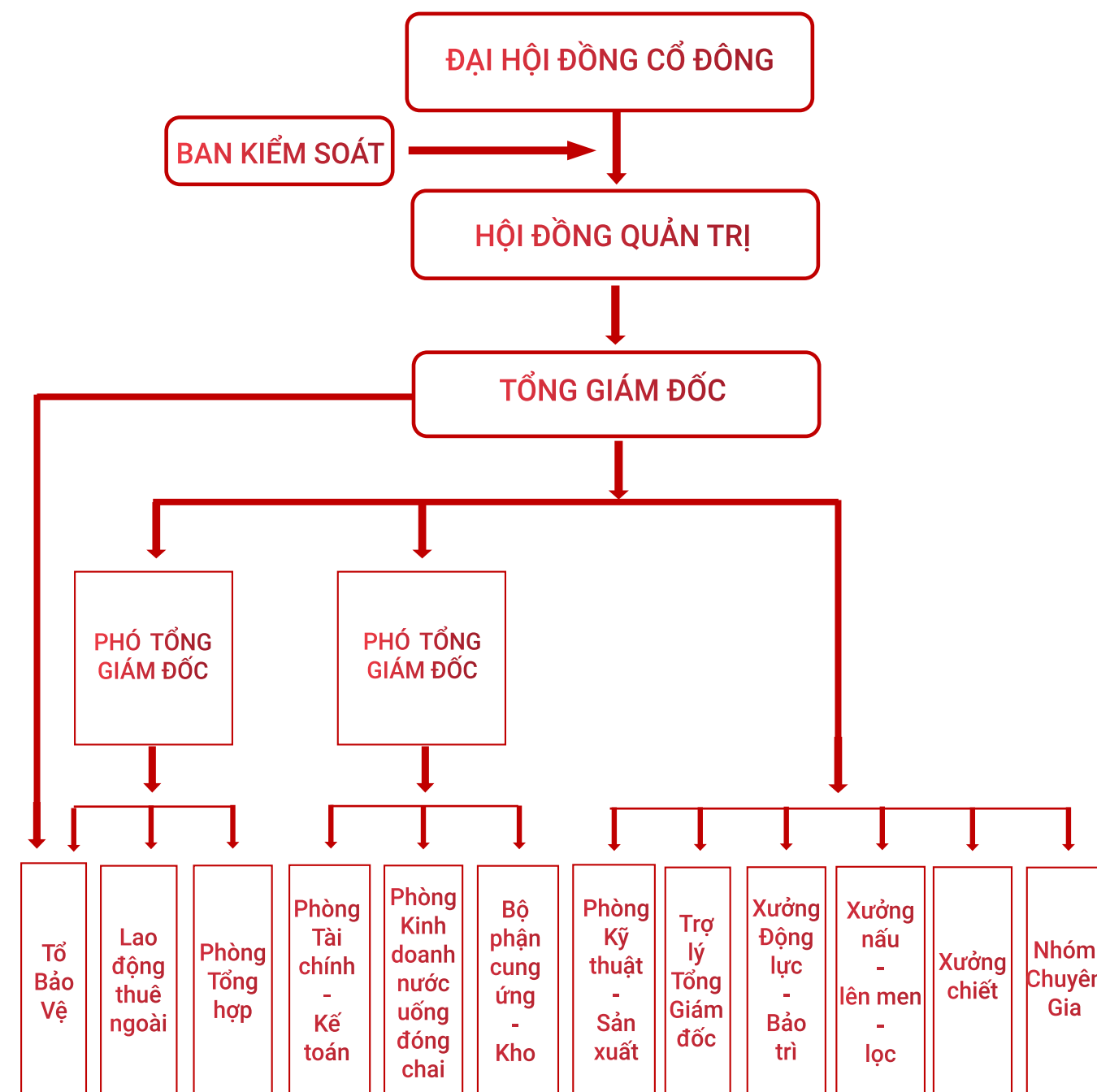


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (TDBECO) tổ chức mô hình quản trị theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan, bao gồm Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Ban Tổng Giám đốc (BTGD).

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết: Không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

-  Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, đẩy mạnh đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, phấn đấu trở thành một trong những nhà máy bia có quy trình sản xuất hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế;
-  Huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả nhằm tối đa lợi nhuận Công ty, gia tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ doanh nghiệp đối với cộng đồng;
-  Nâng cao vị thế của Công ty, phối hợp cùng SABECO phát triển thương hiệu Bia Sài Gòn trên thị trường Việt Nam.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

-  Đẩy mạnh đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại tạo nên quy trình sản xuất tự động hóa nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường về sản lượng, chất lượng và mẫu mã sản phẩm;
-  Xây dựng kế hoạch đầu tư sản xuất bia, nước giải khát với quy mô lớn, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, duy trì và phát huy thương hiệu mang tầm quốc gia;
-  Tích cực nghiên cứu, tìm ra các giải pháp cải tiến công nghệ, để giảm tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu và duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

-  Thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý nước thải, chất thải trong sản xuất, đảm bảo hoạt động phát thải theo các tiêu chí quy định, tránh ảnh hưởng đến cộng đồng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường;
-  Thực hiện các chính sách lương thưởng, phúc lợi cho người lao động và các cam kết trong Thỏa ước Lao động tập thể góp phần đảm bảo cho người lao động cơ bản có việc làm và thu nhập ổn định, an tâm đồng hành cùng Công ty phát triển bền vững;
-  Duy trì thường xuyên hệ thống cảnh quan, tạo môi trường sản xuất xanh, sạch, đẹp, không gian làm việc thoải mái cho người lao động;
-  Tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xây nhà đại đoàn kết hỗ trợ các gia đình khó khăn tại địa phương.



CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế toàn cầu đang đối mặt với nhiều thách thức, áp lực lạm phát duy trì ở mức cao, xu hướng gia tăng lãi suất, sức mua của người dân giảm dần do những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid - 19 vẫn tiếp tục diễn ra, ngoài ra cuộc xung đột địa - chính trị đã tạo ra lực cản lớn đến sự phục hồi của nền kinh tế nói chung và của ngành sản xuất bia nói riêng. Ngoài trừ những mặt hàng thiết yếu thì hầu hết các mặt hàng tiêu dùng trên thị trường đều bị giảm nhu cầu tiêu thụ, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, doanh thu hoạt động kinh doanh năm 2022 của các công ty bia bao gồm cả STD tuy tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng chưa thực sự đạt như kỳ vọng.

Bên cạnh đó, áp lực lãi suất tăng cao đòi hỏi Công ty cần phải quản lý chặt chẽ dòng tiền, đặc biệt là khoản vay tài chính, thực hiện các biện pháp sử dụng vốn lưu động hiệu quả tạo nên lợi ích tối ưu trong kinh doanh.



Trước biến động của thị trường quốc tế và trong nước, những tháng cuối năm 2022, một số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đã bị cắt giảm đơn hàng, cắt giảm nhân sự làm cho tình hình thất nghiệp quý 4 có xu hướng tăng lên so với quý trước. Tỷ lệ thất nghiệp gia tăng dẫn đến xu hướng thắt chặt chi tiêu khiến nhu cầu tiêu thụ bia suy yếu là một trong những thách thức lớn mà Công ty đang phải đối mặt. Chính vì thế, Công ty ưu tiên công tác dự phòng rủi ro kinh tế song song với phương án thích nghi với tình hình kinh tế hiện tại, bám sát diễn biến thị trường từ đó tạo nên giải pháp tối thiểu hoá rủi ro, góp phần làm tăng giá trị công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Thị trường bia Việt Nam đang đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ nhiều thương hiệu bia lớn trên thế giới, trong năm 2022, đời sống sinh hoạt của người dân dần bình thường trở lại vì thế cuộc chiến thị phần giữa các doanh nghiệp trong ngành bia trở nên nhộn nhịp. Do đó, Công ty buộc phải nỗ lực không ngừng vươn lên để giữ vững thị phần, tập trung phát triển ở phân khúc phổ thông thay vì cố gắng chạy đua cạnh tranh ở phân khúc cao cấp, quyết tâm đưa thương hiệu Bia Sài Gòn lên tầm cao mới, phủ sóng rộng khắp thị trường Việt Nam.



Rủi ro nguyên vật liệu

Nguyên liệu, vật liệu chính của ngành bia là malt và vỏ lon nhôm đều tăng so với cùng kỳ, sự tăng giá nguyên vật liệu đã gây ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của các doanh nghiệp ngành bia nói chung và của STD nói riêng. Cụ thể, theo thống kê từ Economic data, trong năm 2022, giá malt, nhôm đã tăng khoảng 40 -50% so với trung bình năm 2021. Vì các dòng bia được sản xuất bởi Công ty sử dụng 75% là đại mạch, 25% là gạo, nên khi giá nguyên liệu tăng cao đột biến đã ảnh hưởng rất nhiều đến giá nguyên liệu và các loại chi phí đầu vào khác.

Để kiểm soát hiệu quả chi phí sản xuất, Công ty tiến hành rà soát, điều chỉnh lại các quy chế hoạt động, thương lượng giá đối với những vật tư, nguyên liệu do Công ty nhận cung ứng từ SABECO với giá cả hợp lý. Kết hợp thực hiện định mức tồn kho nguyên liệu, vật tư phù hợp, đảm bảo hợp lý việc tồn kho, đồng thời khắc phục tình trạng thiếu hụt nguyên liệu, vật tư cho sản xuất.

Rủi ro pháp luật

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là bia nên phải đối mặt với nhiều thách thức do sự thay đổi của cơ chế thị trường và sự điều chỉnh của pháp luật. Hoạt động của Công ty tuân thủ nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật phòng chống tác hại của rượu bia và các Nghị định, văn bản khác liên quan đến ngành bia. Nhận thức được tầm quan trọng của pháp luật, tập thể Công ty nghiêm túc chấp hành các quy định, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty luôn ổn định và thuận lợi, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty.



Rủi ro khác

Trước những rủi ro có khả năng tác động lớn đến tình hình kinh doanh như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, Công ty chủ trương thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống cháy nổ. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức huấn luyện lực lượng an toàn lao động, duy trì tập huấn thường xuyên, trang bị đủ phương tiện đối với đội phòng cháy chữa cháy tại chỗ, đảm bảo sức khỏe người lao động, thực hiện mua bảo hiểm cháy nổ và mọi rủi ro khác với tất cả tài sản của Công ty.

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- » 18 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- » 22 Tổ chức và nhân sự
- » 29 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- » 30 Tình hình tài chính
- » 34 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- » 36 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



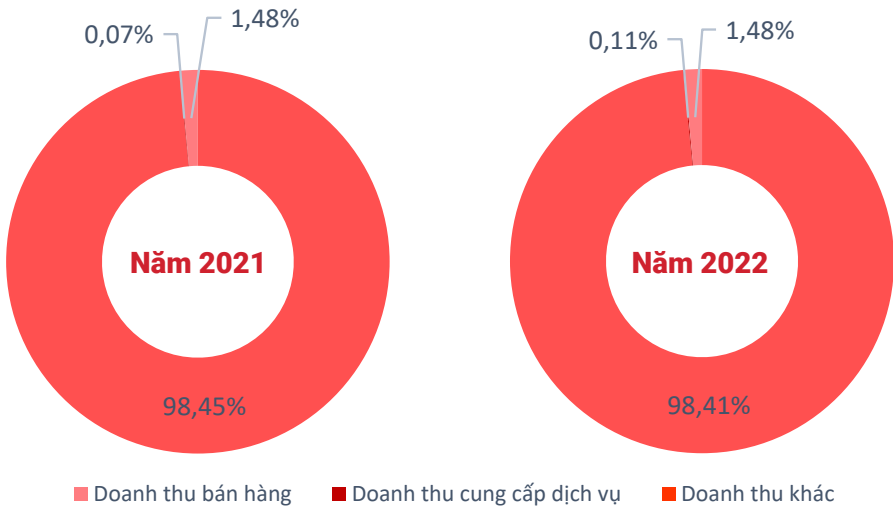
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2022 là năm còn tồn tại nhiều khó khăn thách thức của nền kinh tế, thị trường tiêu thụ bia đang có sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ, biến động về giá nguyên nhiên vật liệu, vật tư đầu vào, tác động từ chính sách của Nhà nước về hạn chế tiêu thụ rượu bia đã ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Cơ cấu doanh thu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng/ Giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán hàng	286.505	98,45%	396.413	98,41%	38,36%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	208	0,07%	461	0,11%	122,71%
3	Doanh thu khác	4.309	1,48%	5.948	1,48%	38,04%
Tổng cộng		291.021	100,00%	402.822	100,00%	38,42%



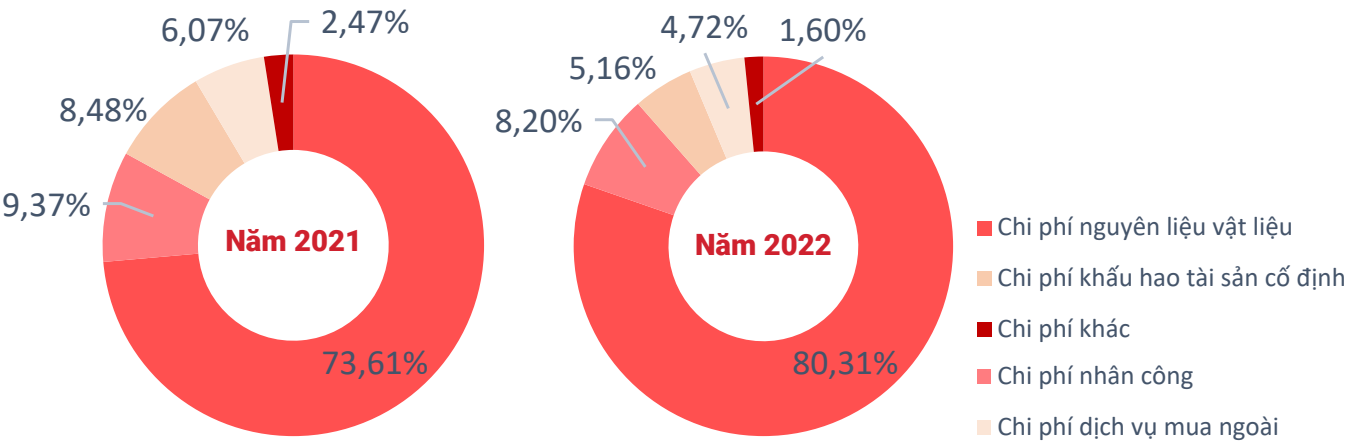
Năm 2022, với việc nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội và độ bao phủ rộng rãi của vắc xin, ngành dịch vụ ăn uống đã hoạt động trở lại sau thời gian dài hoạt động cầm chừng, đây cũng là thời điểm vàng để Công ty bật tăng trưởng trở lại sau 2 năm ảnh hưởng bởi đại dịch. Theo đó, tổng doanh thu của Công ty đạt 402.822 triệu đồng, tăng trưởng 38,42%, tương ứng tăng gần 111.801 triệu đồng so với năm trước.

Trong đó, doanh thu từ bán bia đóng góp hơn 98,41% vào tổng doanh thu khi ghi nhận 396.413 triệu đồng, doanh thu khác chiếm tỷ trọng 1,48% trong cơ cấu doanh thu khi đạt gần 5.948 triệu đồng, tăng 38,04% so với năm 2021, doanh thu từ cung cấp hàng hoá dịch vụ đóng góp 0,11% tỷ trọng vào doanh thu và ghi nhận tăng 122,63% so với cùng kỳ. Sự tăng trưởng doanh thu năm 2022 chủ yếu nhờ vào công tác gia tăng sản xuất và sản lượng tiêu thụ gia tăng (đặc biệt, doanh thu tăng mạnh trong quý 3 năm 2022 với mức tăng 307,41% tương đương tăng 143.317 triệu đồng), từ đó đã dẫn đến kết quả khả quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Cơ cấu chi phí

STT	Chi phí	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng/ Giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Chi phí nguyên vật liệu	205.633	73,61%	315.142	80,31%	53,25%
2	Chi phí nhân công và nhân viên	26.177	9,37%	32.171	8,20%	22,90%
3	Chi phí khấu hao	23.700	8,48%	20.249	5,16%	(14,56%)
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.947	6,07%	18.537	4,72%	9,38%
5	Chi phí khác	6.897	2,47%	6.288	1,60%	(8,83%)
Tổng cộng		279.354	100,00%	392.387	100,00%	40,46%



Tổng chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2022 được ghi nhận là 392.387 triệu đồng, tăng 40,46% so với năm 2021, nguyên nhân là do (1) giá nguyên vật liệu tăng cao dẫn đến chi phí giá vốn quý 4/2022 tăng 11,11% so với cùng kỳ, (2) chi phí tài chính tăng 14,51% do trích thêm dự phòng đầu tư tài chính, (3) chi phí bán hàng tăng 59,66% do thực hiện các chương trình khuyến mãi đẩy mạnh sản lượng bán nước uống đóng chai và (4) lãi suất vay trong quý 4/2022 cũng tăng cao so với cùng kỳ. Bên cạnh đó chi phí nhân công và chi phí dịch vụ mua ngoài năm 2022 cũng tăng 22,90% và 9,38% so với cùng kỳ mặc dù chi phí khấu hao và chi phí khác có giảm 14,56% và 8,83% so với cùng kỳ năm trước.

» TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022	KH 2022	TH 2022/ TH 2021	TH 2022/ KH 2022
Doanh thu thuần	291.021	402.822	416.076	138,42%	96,81%
Lợi nhuận trước thuế	17.605	24.299	6.760	138,02%	359,45%
Lợi nhuận sau thuế	13.913	17.842	5.408	128,24%	329,92%
Cổ tức (bằng tiền)	10%	5%	7%	50%	71,42%



Với tình hình kinh doanh khả quan trong năm 2022, doanh thu ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ (tăng 111.801 triệu đồng so với năm trước), hoàn thành 96,81% kế hoạch doanh thu đề ra, lợi nhuận trước thuế thu về của Công ty cũng tăng 38,42% so với năm 2021, đạt 24.299 triệu đồng. Sau khi khấu trừ đi mọi chi phí và thuế, Công ty thu về 17.842 triệu đồng lợi nhuận sau thuế, tương đương với mức tăng 28,24% so với năm trước và đạt 329,92% kế hoạch. Kết quả này đến từ những nỗ lực không ngừng nghỉ của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty thông qua việc triển khai thực hiện nhiều chính sách bán hàng để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm trong tại thời điểm trong năm đã giúp doanh thu và lợi nhuận cho Công ty tăng trưởng một cách hiệu quả.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Công Toại	Tổng Giám đốc	21.903	0,11%
2	Phan Duy Linh	Phó Tổng Giám đốc	32.456	0,16%
3	Phùng Trấn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
4	Mai Thị Bạch Yến	Quyền Kế toán trưởng	25.789	0,13%

Lý lịch Ban điều hành

ÔNG TRẦN CÔNG TOẠI

Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm, BREWMASTER VLB Berlin, MBA, Cử nhân Anh Văn, Cử nhân Luật

Quá trình làm việc:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 - 2000:	CTCP Bia - Rượu - NGK Hậu Giang	Nhân viên Kỹ thuật - sản xuất
2001 - 2002:	CTCP Bia - Rượu - NGK Hậu Giang	Phó Phòng Kỹ thuật - sản xuất, Phó Quản Đốc Phân Xưởng
2003 - 2006:	CTCP Bia - NGK Cần Thơ	Tổ trưởng sản xuất Nước Giải Khát
2006 - 2009:	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Nhân viên; Trưởng phòng Kỹ thuật - sản xuất
2010 - 31/12/2021:	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Phó Tổng Giám Đốc
01/2022 đến nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Tổng Giám Đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu	21.903	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,11%
Sở hữu cá nhân	21.903	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,11%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%



ÔNG PHAN DUY LINH

Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán

Quá trình làm việc:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/1996 - 03/2001:	Công ty Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán
04/2001 - 01/2002:	Nhà máy Bia Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán
02/2002 - 12/2002:	Nhà máy Bia Cần Thơ	Nhân viên Kế toán
01/2003 - 04/2005:	Nhà máy Bia Sài Gòn Cần Thơ	Nhân viên Kế toán
05/2005 - 06/2006:	Nhà máy Bia Sài Gòn Cần Thơ	Nhân viên Kế toán
07/2006 - 10/2006:	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây	Nhân viên Kế toán
01/2007 - 05/2022:	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Kế toán trưởng
01/2022 đến 12/2022:	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Phó Tổng Giám đốc
01/2023 đến nay:	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu	32.456	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,16%
Sở hữu cá nhân	32.456	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,16%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

ÔNG PHÙNG TRẦN VŨ

Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật, Cử nhân kinh tế

BÀ MAI THỊ BẠCH YẾN

Quyền Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán tổng hợp

Quá trình làm việc:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 7/2006	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Thư ký HĐQT
Năm 2008	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Trưởng phòng Tổng hợp
29/03/2021	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Người phụ trách quản trị Công ty
1/1/2022 - nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

Quá trình làm việc:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2007 - 2008	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Nhân viên phòng kế toán
2009 - 2011	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Nhân viên phòng kế toán, Thành viên BKS
2012 - 04/2016	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Nhân viên phòng kế toán, Thành viên BKS
5/2016 - 4/2022	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Trưởng BKS

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu	25.789	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,13%
Sở hữu cá nhân	23.766	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,12%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	2.023	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,01%

Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2022

Trong năm 2022, Ban điều hành đã có những thay đổi như sau:

- Bổ nhiệm Ông: Trần Công Toại, giữ chức vụ Tổng Giám đốc công ty kể từ ngày 01/01/2022;
- Bổ nhiệm Ông: Phan Duy Linh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc công ty kể từ ngày 01/01/2022;
- Bổ nhiệm Ông: Phùng Trần Vũ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc công ty kể từ ngày 01/01/2022;
- Bổ nhiệm Bà: Mai Thị Bạch Yến giữ chức vụ Quyền Kế toán trưởng kể từ ngày 26/4/2022.

Từ khi được bổ nhiệm đến nay, Ban điều hành đã thực hiện công việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

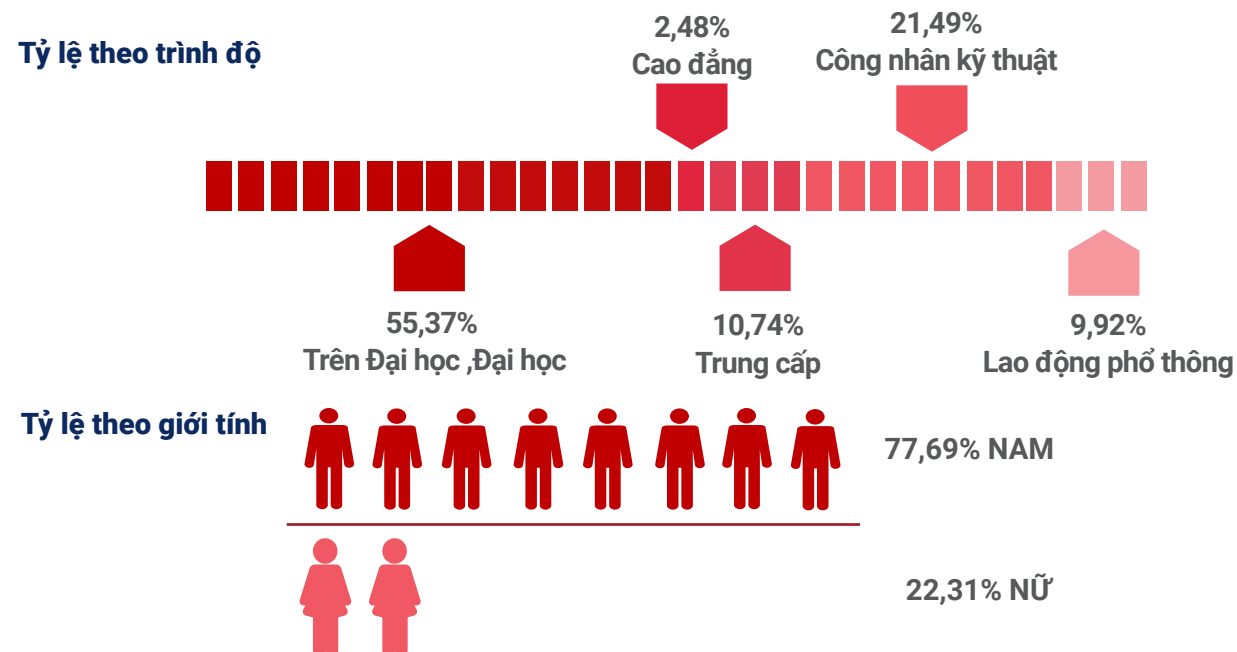


» TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

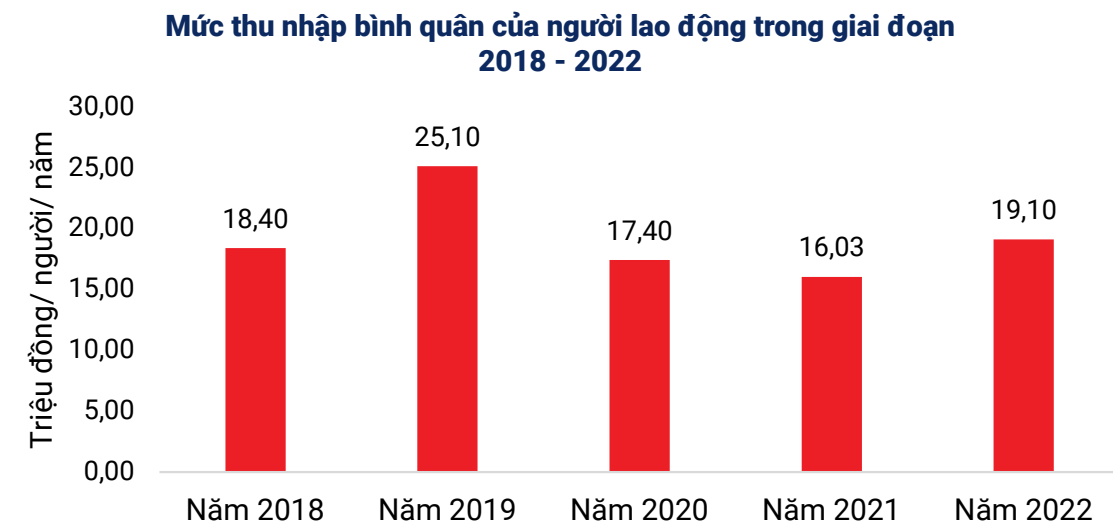
Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A Theo trình độ		121	100,00%
1	Trên Đại học, Đại học	67	55,37%
2	Cao đẳng	3	2,48%
3	Trung cấp	13	10,74%
4	Công nhân kỹ thuật	26	21,49%
5	Lao động phổ thông	12	9,92%
B Theo tính chất hợp đồng lao động		121	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	110	90,91%
2	Hợp đồng có xác định thời hạn	11	9,09%
3	Hợp đồng theo thời vụ	-	-
C Theo giới tính		121	100,00%
1	Nam	94	77,69%
2	Nữ	27	22,31%



Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Năm	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Thu nhập bình quân của người lao động	18,40	25,10	17,40	16,03	19,10



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Song song với việc tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật đồng thời quan tâm đến việc cải thiện chính sách, tạo điều kiện làm việc hiệu quả và từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động.

Về lương, thưởng, phúc lợi:

- Về tiền lương: Toàn thể người lao động hưởng đơn giá tiền lương theo doanh thu. Khi phân phối lương hàng tháng, hệ số lương này kết hợp với hệ số hoàn thành công việc, ngày công để tính lương cho từng công nhân viên trong toàn bộ Công ty. Hệ thống lương thưởng được thiết kế khoa học, linh động định hướng theo hiệu quả làm việc đảm bảo công bằng nội bộ và có tính cạnh tranh cao. Công ty đã xây dựng quy chế thang bảng lương riêng và nâng bậc lương cho người lao động kể từ năm 2014. Công ty tiến hành xét và thi nâng bậc lương cho người lao động theo quy định.
- Về tiền thưởng: Công ty luôn trân trọng và đánh giá cao nỗ lực, sáng tạo, sự tận tâm và thành quả từng nhân viên mang lại và cam kết ghi nhận bằng các cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp, được tôn vinh và khẳng định bản thân. Tùy theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đề xuất hội đồng quản trị phê duyệt các quyết định khen thưởng.
- Về chính sách phúc lợi, đãi ngộ: Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ và bệnh nghề nghiệp, bồi dưỡng, hỗ trợ bồi dưỡng độc hại cho người lao động; tổ chức cho nhân viên đi nghỉ mát hàng năm; giải quyết đầy đủ chế độ nghỉ phép, thai sản, ốm đau, nằm viện,...

Về tuyển dụng:

- Công ty hướng đến mục tiêu thu hút nhân tài, đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, đảm bảo chất lượng nhân sự. Việc tuyển dụng lao động được thực hiện dựa trên bảng mô tả công việc và tiêu chuẩn dựa trên chức danh công việc.

Về đào tạo và phát triển nhân viên:

- Đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty. Công tác đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho cán bộ, công nhân viên được Công ty duy trì thường xuyên. Hàng năm, Công ty đều có các lần cử người lao động tiêu biểu tham gia học tập chuyên đề, hội thảo khoa học và công nghệ. Đối với khối sản xuất, công nhân được tham gia khóa đào tạo bổ sung tay nghề, hướng dẫn nghiệp vụ và kiến thức về an toàn điện, an toàn bức xạ, lò hơi, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm,... Chính sách đào tạo được thực hiện nhất quán từ cấp độ cơ bản đến chuyên sâu thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và qua các đơn vị tư vấn đào tạo chuyên nghiệp.

Về chính sách an toàn, bảo hộ lao động:

- Toàn bộ nhân viên và người lao động của TDBECO trong năm qua đều được tạo điều kiện khám sức khỏe định kỳ. Việc bảo vệ sức khỏe và an toàn lành mạnh cho người lao động tác động trực tiếp đến độ gắn kết của nhân viên với công việc từ đó thúc đẩy sự phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục phát huy những cam kết về điều kiện làm việc an toàn, phát triển đội ngũ đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử, đảm bảo các quyền lợi do pháp luật quy định. Đối với công tác đào tạo, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, trao đổi học tập để nâng cao chuyên môn, tay nghề cho người lao động. Ngoài ra, Công ty luôn xem xét, ghi nhận và có quyết định thăng tiến phù hợp đối với các cá nhân có thành tích công việc vượt bậc, điều này thể hiện sự trân trọng của Công ty đối với cống hiến và quyết tâm của họ. Với những chính sách đã thực hiện, Công ty thực sự mong muốn đem đến cho người lao động sự hài lòng và gắn bó lâu dài.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư tài sản cố định

Danh mục đầu tư năm 2022 bao gồm:

STT	Tên dự án cụ thể	Mục tiêu đầu tư	Nguồn vốn	Kế hoạch phê duyệt (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện 2022 (triệu đồng)	Ghi chú
1	Máy phân tích bia Anton paar không xử lý mẫu – Hãng Anton Paar (Áo)	Máy đã hoạt động 14 năm không còn phụ tùng thay thế	Vốn tự có	1.600	1.536	Đã hoàn thành
2	Máy quang phổ Hach DR6000 (thay cho máy quang phổ LIBRA S80 do vượt chi phí dự kiến)	Thay thế và dự phòng cho máy cũ đã sử dụng 5 năm	Vốn tự có	200	206	Đã hoàn thành
3	Thay mái nhà xưởng chiết chai	Cải tạo cơ sở hạ tầng	Vốn tự có	2.500	1.523	Đã hoàn thành
4	Mua thiết bị SX nước ion kiềm	Phát triển sản phẩm mới	Vốn tự có	500	670	Đang thực hiện
5	Nâng cấp tủ KUKA	Thiết bị hoạt động 14 năm, không còn phụ tùng thay thế.	Vốn tự có	900	-	Chưa thực hiện
6	CPU máy thanh trùng	CPU hiện tại sắp hỏng	Vốn tự có	1.000	-	Chưa thực hiện
7	Đầu tư, sửa chữa lớn thiết bị phục vụ SXKD	-	Vốn tự có	1.600	-	-
7.1	Đèn UV	Thay thế thiết bị cũ bị hỏng	Vốn tự có	-	157	Đã hoàn thành
7.2	Xích tải đầu ra máy chiết	Thay thế xích tải cũ bị hỏng	Vốn tự có	-	132	Đã hoàn thành
7.3	Bộ máy tính công nghiệp soi date lon	Thay thế thiết bị cũ bị hỏng	Vốn tự có	-	105	Đã hoàn thành
7.4	Thiết bị tạo Ozon	Thay thế thiết bị cũ bị hỏng	Vốn tự có	-	122	Đã hoàn thành
7.5	Cổ góp máy chiết	Thay thế thiết bị cổ góp cũ bị hỏng	Vốn tự có	-	95	Đã hoàn thành
7.6	Sơn bên ngoài 03 silo malt	Chống rỉ sét	Vốn tự có	-	89	Đã hoàn thành
Tổng cộng			Vốn tự có	8.300	4.635	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

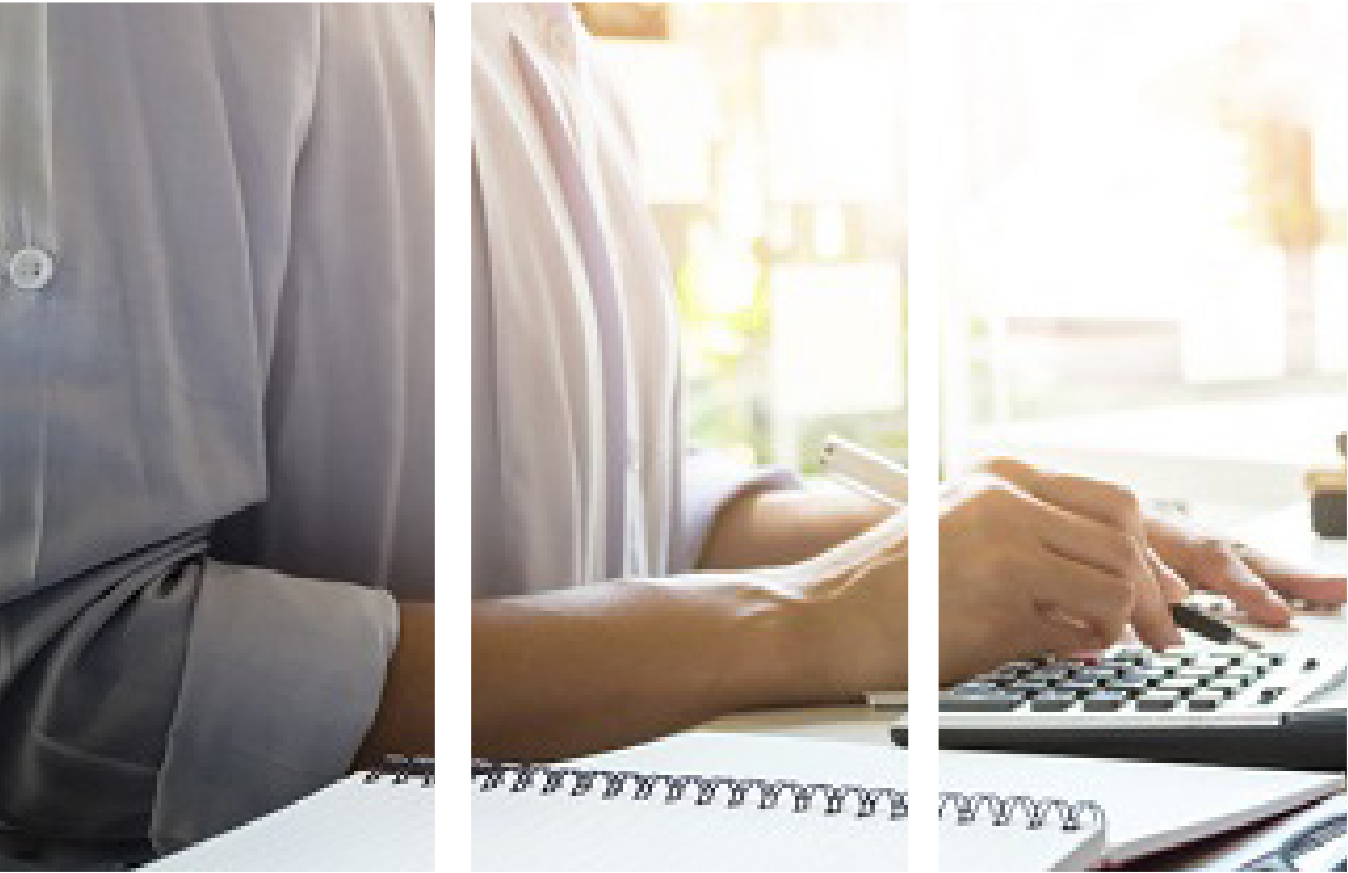
Công ty thực hiện đầu tư vào CTCP Bia Sài Gòn - Kiên Giang 500.000 cổ phiếu tương ứng với 4,3% sở hữu và quyền biểu quyết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%Tăng/ Giảm
Tổng giá trị tài sản	389.754	329.331	(15,50%)
Doanh thu thuần	291.021	402.822	38,42%
Giá vốn hàng bán	260.998	358.242	37,26%
Lợi nhuận gộp	30.023	44.580	48,49%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.455	30.221	73,14%
Lợi nhuận khác	150	(5.922)	(4.048,00%)
Lợi nhuận trước thuế	17.605	24.299	38,02%
Lợi nhuận sau thuế	13.913	17.842	28,24%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	637	817	28,26%



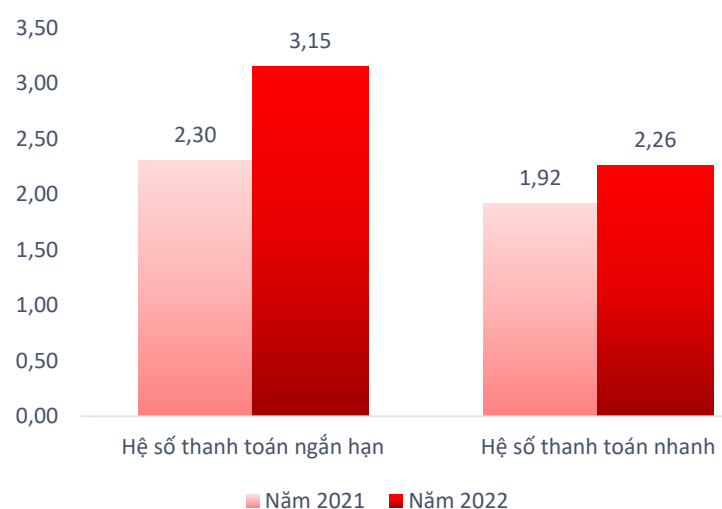
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	2,30	3,15
Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,92	3,14
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	24,62	15,02
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	32,66	17,68
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	vòng	34,35	66,82
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	6,89	8,97
Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,69	1,12
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,78	4,43
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	4,67	6,22
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	3,30	4,96
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,00	7,50



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

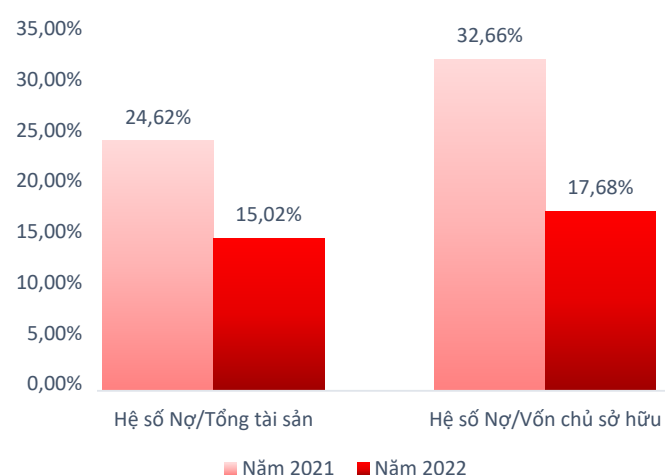


Trong năm 2022, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 3,15 và 3,14 lần, chủ yếu do sự sụt giảm không đồng đều của tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn nhưng vẫn đảm bảo tốt thanh khoản và đạt mức cao hơn so với năm trước. Cụ thể, trong năm qua, Công ty đã thực hiện thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, làm cho nợ ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 giảm 48,43% (tương đương giảm 46.465 triệu đồng) so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, sự sụt giảm trong các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và tiền mặt cũng như các khoản tương đương tiền của Công ty là nguyên nhân dẫn đến tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm giảm 29,49% (tương đương giảm 65.222 triệu đồng) so với cùng kỳ.

Nhìn chung sự tăng trưởng các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty năm 2022 cho thấy rằng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và các khoản thanh toán khác một cách hiệu quả. Tuy nhiên, sự giảm tài sản ngắn hạn và tiền mặt cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán trong trường hợp có nhu cầu thanh toán lớn đột xuất. Do đó, Công ty cần phải quản lý tài chính một cách cẩn thận để đảm bảo sự ổn định tài chính trong tương lai.

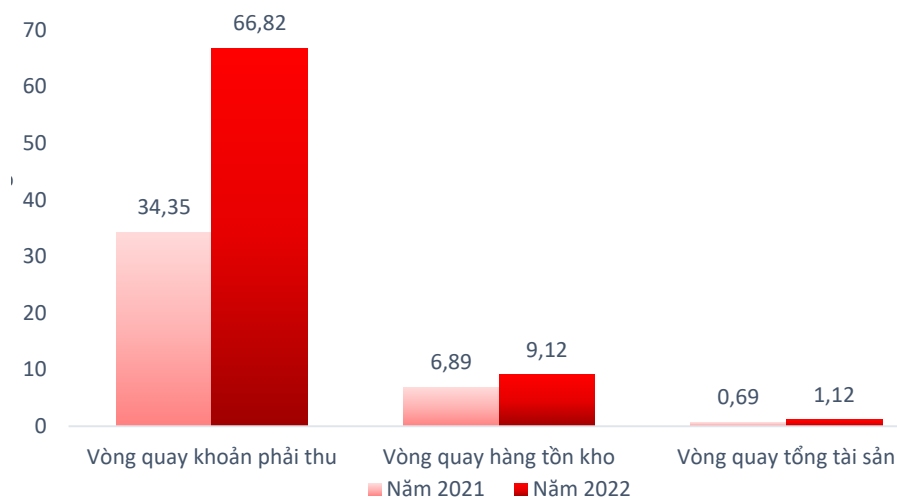
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu nợ của Công ty đã giảm khá mạnh so với năm trước, cho thấy Công ty đã cân nhắc sử dụng nợ một cách thận trọng để đảm bảo an toàn vốn. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 24,62% xuống 15,02% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 32,66% xuống 17,68% đã mang lại hiệu quả sử dụng vốn tốt hơn và giảm thiểu tối đa rủi ro kiệt quệ tài chính. Tính đến thời điểm cuối năm 2022, tổng nợ phải trả đã giảm 48,43% và tổng tài sản đã giảm 15,50% so với cùng kỳ năm trước, đồng thời vốn chủ sở hữu cũng ghi nhận giảm 4,75% so với năm 2021 đã khiến cho các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng giảm so với năm 2021, với tỷ lệ này, Công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn gần đến hạn phải trả.



Ngoài ra, việc duy trì khả năng thanh khoản cao là một lợi thế lớn giúp hoạt động kinh doanh của Công ty luôn ổn định trước bối cảnh khó khăn trong năm qua. Đồng thời, với mức độ an toàn tài chính cao, Công ty sẽ có nhiều lợi thế trong việc tiếp cận được các nguồn vốn vay mới để tài trợ cho các hoạt động đầu tư sau này.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

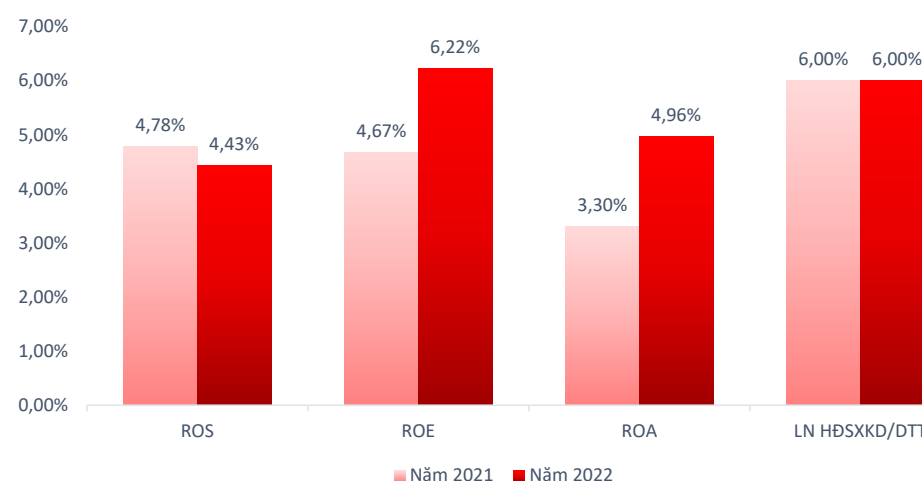


Nhìn chung, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động đều cho thấy khả năng quản trị các khoản mục của Công ty đang chuyển biến khá tích cực và hiệu quả hơn so với năm trước. Dựa trên mức tăng trưởng của doanh thu trong năm 2022, các chỉ tiêu về vòng quay khoản phải thu và vòng quay tổng tài sản đều lần lượt tăng 32,47 và 0,43 vòng, qua đó cho thấy sự thuận lợi trong hoạt động kinh doanh đã góp phần lớn tạo nên sự tăng trưởng khả năng hoạt động.

Bên cạnh đó, khả năng hoạt động của Công ty được biểu hiện tốt hơn thông qua hệ số vòng quay hàng tồn kho khi tăng từ 6,89 vòng lên 8,97 vòng do sự gia tăng không đồng đều giữa giá vốn hàng bán và hàng tồn kho bình quân. Cụ thể, giá vốn hàng bán năm 2022 được ghi nhận là 358.242 triệu đồng (tương ứng với mức tăng 37,26% so với cùng kỳ năm trước), trong khi đó, hàng tồn kho được ghi nhận là 43.342 triệu đồng (tương ứng với mức tăng 18,57% so với cùng kỳ). Năm 2022, hoạt động kinh doanh đã được hồi phục mạnh mẽ, kỳ vọng các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động của Công ty hứa hẹn sẽ tiếp tục tăng trưởng nhiều hơn nữa trong tương lai.

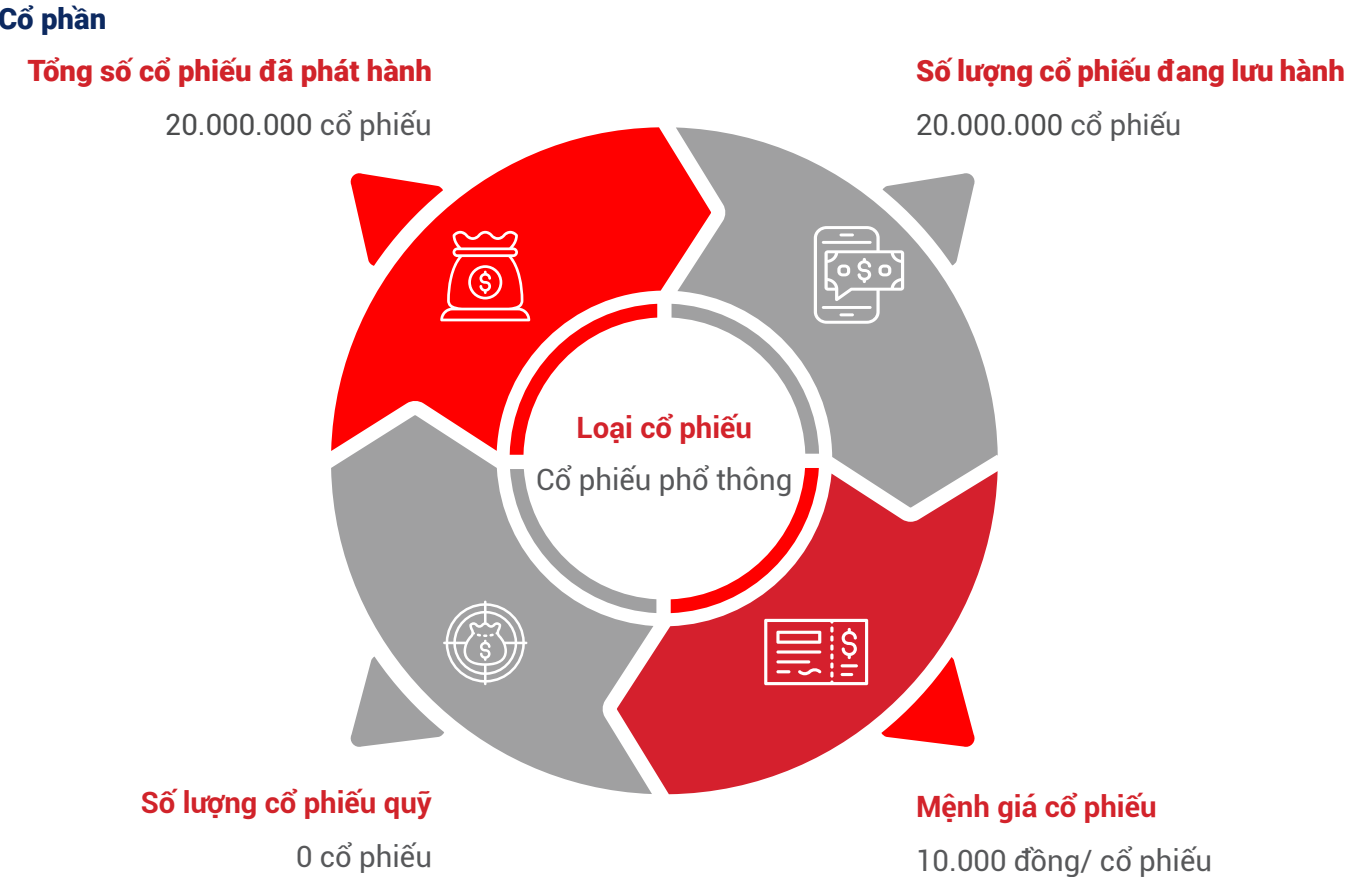
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2022, với sự biến động chung của nền kinh tế đã tác động đến các yếu tố đầu vào và làm cho chi phí sản xuất tăng mạnh, khiến cho chỉ số ROS giảm 0,24% so với năm 2021, nhưng các chỉ tiêu về khả năng sinh lời khác của Công ty vẫn duy trì khá ổn định và chuyển biến tích cực so với năm trước nhờ vào sự tăng trưởng từ lợi nhuận sau thuế trong năm 2022 (tăng 28,24% so với cùng kỳ năm trước).



Trong những năm gần đây, Công ty luôn thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo sản lượng bia tiêu thụ dẫn đến chỉ số ROE, ROA và LN HDSXKD/DTT lần lượt tăng từ 4,67%; 3,30%; 6,00% trong năm 2021 lên 6,22%; 4,96% và 7,50% trong năm 2022, qua đó cho thấy Công ty đã không ngừng cố gắng, tập trung mọi nguồn lực để phát triển hoạt động sản kinh doanh nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, gia tăng khả năng sinh lời.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Cơ cấu cổ đông: Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	179	17.683.750	176.837	88,42%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	171	9.747.834	97.478	48,74%
3	Cổ đông tổ chức	8	7.935.916	79.359	39,68%
II	Cổ đông nước ngoài	1	2.316.250	23.163	11,58%
1	Cổ động cá nhân	-	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	1	2.316.250	23.163	11,58%
III	Cơ cấu tỷ lệ sở hữu		20.000.000	200.000	100,00%
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết)		8.194.557	81.946	40,97%
2	Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết		11.805.443	118.054	59,03%
Tổng cộng (I+II)		180	20.000.000	200.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% (Tính tại ngày 31/12/2022)

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6 Hai Bà Trưng, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh	2.881.500	14,41%
2	CTCP Nước Giải Khát Chương Dương	606 Võ Văn Kiệt, P. Cầu Kho, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh	1.105.000	5,53%
3	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây	KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	1.891.807	9,46%
4	Capital Shine Limited	Heineken Asia Pacific PTE, Ltd. 9 North Buona Vista Drive, #12-01, The Metropolis Tower 1, Singapore 138588	20.000.000	11,58%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Lần	Thời gian hoàn thành phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	21/09/2006	-	45 tỷ đồng	-	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ĐKKD) số: 1800641942 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 21/09/2006.
2	30/12/2007	35 tỷ đồng	80 tỷ đồng	Cổ đông hiện hữu; cán bộ công nhân viên; nhà đầu tư chiến lược.	<ul style="list-style-type: none">Nghị quyết ĐHĐCĐ số 53-2007/NQCD/TD-BECO ngày 29/03/2007.Nghị quyết HĐQT số 20-2007-NQ/HĐQT ngày 23/03/2007.Nghị quyết ĐHĐCĐ số 59-2007/NQCD/TD-BECO ngày 16/11/2007.Nghị quyết HĐQT số 50 ngày 02/11/2007.Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800641942 ngày 11/4/2007.
3	23/10/2008	24 tỷ đồng	104 tỷ đồng	Cổ đông hiện hữu.	<ul style="list-style-type: none">Nghị quyết ĐHĐCĐ số 206-2008/NQCD/TD-BECO ngày 23/10/2008.Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800641942 ngày 28/6/2010.
4	22/03/2017	96 tỷ đồng	200 tỷ đồng	Cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu; cán bộ công nhân viên; nhà đầu tư chiến lược.	<ul style="list-style-type: none">Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ/ĐHĐCĐ ngày 20/12/2016.Nghị quyết HĐQT số 06/NQ/HĐQT/2016 ngày 28/11/2016.Nghị quyết HĐQT số 02/NQ/HĐQT/2017 ngày 22/03/2017.Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800641942 ngày 28/03/2017.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Tác động lên môi trường

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bia, vì thế trong quá trình sản xuất, vận hành không tránh khỏi việc thải ra những chất thải, khí thải gây ô nhiễm môi trường như CO₂, CO, SO₂, NO_x... Do đó, Công ty luôn có ý thức bảo vệ môi trường bằng các biện pháp, hành động thiết thực như:

- Không để xảy ra tình trạng các chất thải rắn hữu cơ bị thối rữa, làm mất mỹ quan, gây ô nhiễm đất, nước, không khí, ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân và cộng đồng người dân xung quanh, thông qua việc tận dụng các chất như bã malt, men bia bán lại cho các cơ sở sản xuất thức ăn cho gia súc.
- Đối với chất thải rắn không thể xử lý sinh học gồm bao bì, thủy tinh, kết nhựa có thể bán lại cho các cơ sở sản xuất kinh doanh khác.
- Hạn chế tác động của khí thải và chất thải đến môi trường, thông qua việc bố trí, lắp đặt hệ thống lọc khí, thông gió, xây dựng ống khói cao cho lò hơi để giảm ô nhiễm môi trường không khí, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn tuân thủ quy trình quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2015, ISO 22000-2018, ISO 17025-2017 cho sản phẩm Bia, nước uống đóng chai riêng sản phẩm Bia có thêm tiêu chuẩn SABECO. Trong năm, Công ty đã tiến hành đầu tư thêm một số thiết bị trọng yếu và thực hiện các giải pháp kỹ thuật trang bị công cụ đo đếm, định kỳ tổng hợp và phân tích số liệu về sử dụng nguyên vật liệu để tăng hiệu suất thu hồi và giảm hao phí nguyên vật liệu tích cực tổ chức rà soát, điều chỉnh lại các quy chế hoạt động, kiểm soát hàng hóa vật tư tồn kho phù hợp để giảm chi phí nguyên vật liệu trong sản xuất.



Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách liên quan đến người lao động theo đúng quy định pháp luật như: đóng bảo hiểm bắt buộc, trang bị cung cấp bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại. Việc đảm bảo sức khỏe nhân viên là ưu tiên hàng đầu, bởi đây là yếu tố then chốt quyết định chất lượng, năng suất và hiệu quả hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục phát huy những cam kết về điều kiện làm việc an toàn, xây dựng môi trường làm việc khỏe mạnh, thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh và hướng tới sự phát triển bền vững.



Tiêu thụ năng lượng

Với mong muốn mang lại hiệu quả tối đa trong việc vận hành hệ thống, giảm thiểu chi phí năng lượng tiêu thụ Công ty áp dụng hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2018 Công ty đã thực hiện đầu tư trang thiết bị cho dự án “Tiết kiệm năng lượng trong nhà máy bia”, đồng thời thực hiện các giải pháp kỹ thuật công nghệ qua đó giảm thiểu được chi phí năng lượng điện, nước, hơi, giúp tiết kiệm chi phí sản xuất.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với công tác bảo vệ môi trường, vì thế Công ty luôn chú trọng đầu tư hệ thống xử lý nước thải, khí thải, rác thải và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, quy chuẩn về môi trường, đặc biệt quan tâm đến việc lựa chọn quy trình sản xuất với công nghệ sản xuất hiện đại và thân thiện với môi trường phần nào giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và Công ty luôn nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật về môi trường kết hợp sử dụng áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn đề cao trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, luôn quan tâm và đóng góp vào các hoạt động xã hội. Mỗi năm, Công ty đều dành nguồn quỹ đóng góp cho các hoạt động xã hội, cộng đồng, cụ thể như: hoạt động đóng góp vào các quỹ phúc lợi xã hội, quỹ chăm lo Tết cho người nghèo, người già và trẻ em cơ nhỡ, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt, và nhiều hoạt động ý nghĩa khác,... từ đó thực hiện tốt thông điệp Bia Sài Gòn “Chung tay vì cộng đồng” và chiến dịch “Cùng nhau làm nên Tết”, mong muốn truyền tải tinh thần luôn luôn đi lên cùng nhau của người Việt.

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- » 40 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- » 42 Tình hình tài chính
- » 45 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- » 46 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- » 48 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- » 49 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty

Trong năm 2022, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tuy có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn tồn tại nhiều thách thức:

Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các đơn vị luôn bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, có những chỉ đạo và giải pháp kịp thời để Công ty giải quyết những khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Khó khăn

Do hậu quả của dịch bệnh kéo dài trong thời gian qua gây khó khăn cho thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, giá nhiên liệu tăng cao đột biến đã ảnh hưởng rất nhiều đến giá nguyên liệu và các chi phí đầu vào khác, kéo theo việc phân bổ sản xuất và tiêu thụ chưa đạt kế hoạch đề ra.

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	TH 2022/ TH 2021	TH 2022/ KH 2022
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	291.021	416.076	402.822	138,42%	96,81%
2	Lợi nhuận sau thuế	13.913	5.408	17.842	128,24%	329,92%
3	Cổ tức	10%	7%	5%	50%	71,42%

Nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ trong doanh thu và lợi nhuận, trong tháng 11 năm 2022 Công ty đã thông qua Nghị quyết về việc chi tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2022 với mức chi tạm ứng cổ tức là 5% tính trên mệnh giá, đảm bảo lợi tức ổn định cho cổ đông, qua đó cho thấy tình hình kinh doanh đầy khởi sắc của Công ty.

Kết quả này đến từ những nỗ lực không ngừng nghỉ của HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo đúng đắn và kịp thời đưa ra các chiến lược phù hợp trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty trong một năm đầy biến động. Đây là tiền đề để Công ty tiếp tục phát huy và hoàn thành kế hoạch kinh doanh trong thời gian sắp tới.

Những tiến bộ công ty đã đạt được

Năm 2022, công tác điều hành sản xuất diễn ra linh hoạt, Công ty phối hợp chặt chẽ với các phòng ban SABECO, với bộ phận giao nhận, các đơn vị vận tải để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình sản xuất và giao nhận sản phẩm. Qua đó, doanh thu sản xuất bia năm 2022 đạt 396.413 triệu đồng, hoàn thành 96,38% kế hoạch được giao.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

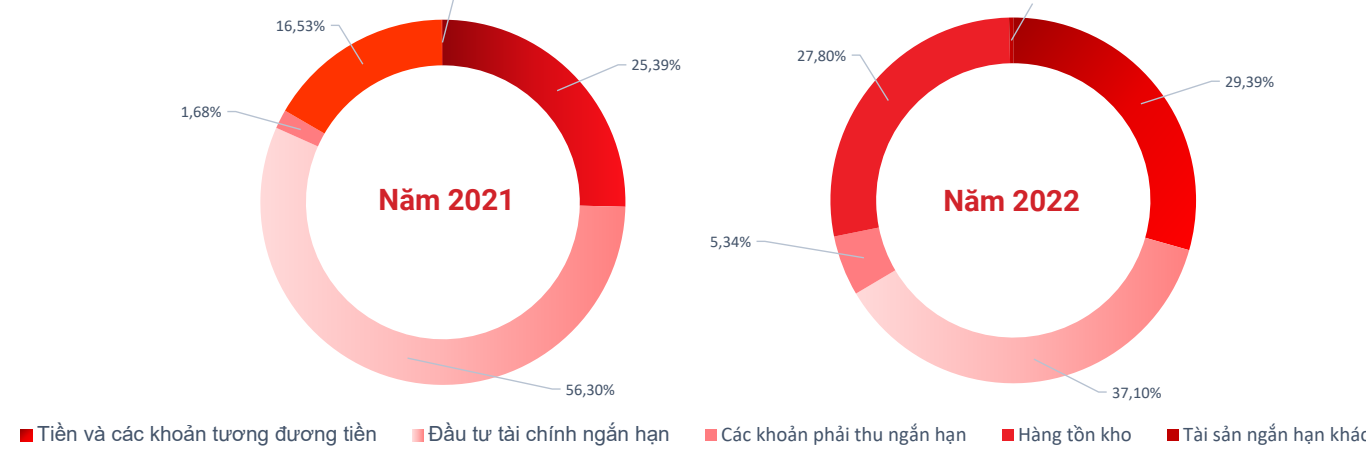
Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	221.140	56,74%	155.918	47,34%	(29,49%)
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.137	25,39%	45.820	29,39%	(18,38%)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	124.500	56,30%	57.850	37,10%	(53,53%)
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.729	1,68%	8.328	5,34%	123,33%
Hàng tồn kho	36.555	16,53%	43.342	27,80%	18,57%
Tài sản ngắn hạn khác	219	0,10%	578	0,37%	163,93%
Tài sản dài hạn	168.614	43,26%	173.413	52,66%	2,85%
Tài sản cố định	138.498	82,14%	121.524	70,08%	(12,26%)
Tài sản dở dang dài hạn	1.314	0,78%	578	0,33%	(56,01%)
Đầu tư tài chính dài hạn	27.788	16,48%	50.030	28,85%	80,04%
Tài sản dài hạn khác	1.013	0,60%	1.281	0,74%	26,46%
Tổng tài sản	389.754	100,00%	329.331	100,00%	(15,50%)



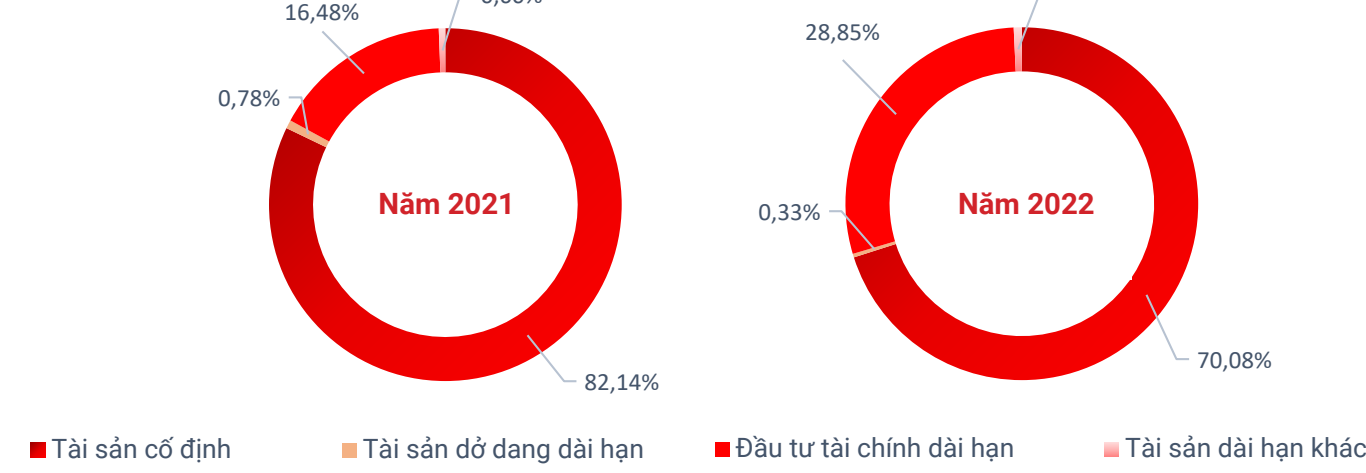
Tài sản ngắn hạn



Tính tới thời điểm ngày 31/12/2022, tổng tài sản của Công ty được ghi nhận là 329.331 triệu đồng, giảm 15,50% so với đầu năm. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm xuống thấp hơn tài sản dài hạn và chiếm 47,34% tổng tài sản, đạt 155.918 triệu đồng, giảm 29,49% so với năm 2021. Trong đó:

- Lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền (chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn) của Công ty giảm 18,38% (tương đương giảm hơn 10.317 triệu đồng) do hiện nay lãi suất huy động khá cao vì thế Công ty đã sử dụng một phần nguồn tiền hiện có để gửi kỳ hạn trên 1 năm nhằm gia tăng lợi nhuận.
- Khoản phải thu ngắn hạn tăng 123,33% (tương đương với mức tăng 4.599 triệu đồng) chủ yếu đến từ việc Công ty chưa nhận được đủ khoản phải thu từ Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn.
- Hàng tồn kho tăng 18,57% (tương ứng tăng 6.787 triệu đồng) do lượng thành phẩm tồn kho và một phần nguyên liệu, vật liệu tồn kho còn lại chưa tiêu thụ hết trong năm.

Tài sản dài hạn



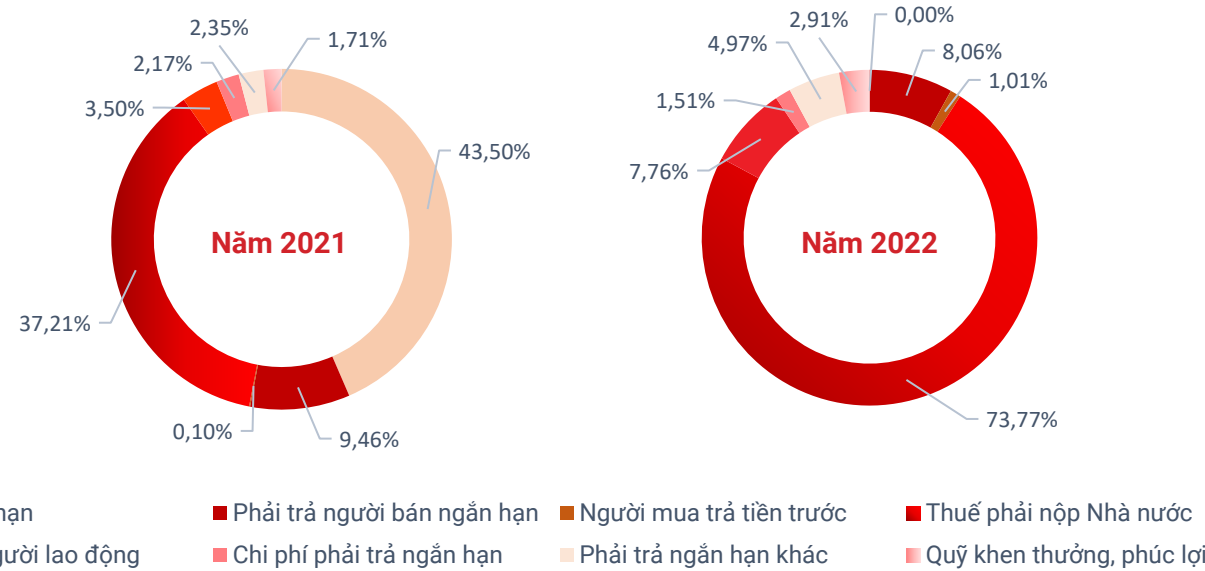
Tài sản dài hạn năm 2022 được điều chỉnh tăng tỷ trọng khi chiếm từ 43,26% lên 52,66% trong cơ cấu tổng tài sản, ghi nhận đạt 173.413 triệu đồng, tăng 2,85% so với năm 2021 chủ yếu do gia tăng trong khoản mục đầu tư tài chính dài hạn thông qua việc gửi 22.242 triệu đồng kỳ hạn trên 1 năm. Bên cạnh đó, khoản mục tài sản cố định giảm 16.974 triệu đồng, tương ứng với mức giảm 12,26% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân là do tăng giá trị hao mòn tài sản cố định như nhà cửa, vật tư kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải dẫn đến giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình giảm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	95.944	100,00%	49.479	100%	(48,43%)
Vay ngắn hạn	41.735	43,50%	-	-	(100%)
Phải trả người bán	9.074	9,46%	3.988	8,06%	(56,05%)
Người mua trả tiền trước	92	0,10%	502	1,01%	445,65%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	35.701	37,21%	36.499	73,77%	2,24%
Phải trả người lao động	3.362	3,50%	3.842	7,76%	14,28%
Chi phí phải trả	2.085	2,17%	748	1,51%	(64,12%)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.253	2,35%	2.458	4,97%	9,10%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.643	1,71%	1.442	2,91%	(12,23%)
Tổng nợ phải trả	95.944	100,00%	49.479	100,00%	(48,43%)



Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2022 được ghi nhận giảm hơn 46.465 triệu đồng, tương ứng mức giảm 48,43% so với cùng kỳ năm 2021, đạt mức 49.479 triệu đồng, chủ yếu do Công ty đã tất toán hoàn toàn khoản vay ngắn hạn trị giá 41.735 triệu đồng, ngoài ra Công ty không phát sinh thêm nợ vay dài hạn trong năm.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức do nhận thấy được sự hiệu quả trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện bổ sung và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	KH 2023/TH 2022
Doanh thu thuần	Triệu đồng	402.822	459.107	113,97%
Doanh thu sản xuất	Triệu đồng	396.413	452.836	114,23%
Doanh thu khác	Triệu đồng	6.409	6.271	97,85%



Kế hoạch đầu tư các dự án năm 2023

STT	Hạng mục đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Dự kiến chi phí (triệu đồng)
01	Cải tạo nâng cấp hệ thống lạnh hiện tại lên phân tầng	Nâng cấp cho hệ thống lạnh nhằm tăng hiệu suất lạnh và tiết kiệm năng lượng, đáp ứng tiêu chuẩn định mức điện theo yêu cầu của SABECO	8.000
02	a.Thay tấm lợp,tấm cách nhiệt, máng xối nhà xưởng chuyên lon kết hợp (6890m2, Xưởng chiết) b.Thu nước mưa và chống ngập úng nhà xưởng chiết lon	Khắc phục đột tạt, ngập úng nhà xưởng Giảm định mức nước hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của SABECO	5.139 561
03	Thay thế cổng chính thu nước thải (xưởng ĐLBT)	Xử lý nguy cơ xâm nhập nước thải vào môi trường đất do hệ thống cổng hiện tại đã bị mục.	316
04	Đầu tư hệ thống đèn năng lượng mặt trời chiếu sáng khuôn viên công ty	Giảm chi phí điện, định mức theo chủ trương SABECO, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững	80
05	Bọc bảo ôn đường thu hồi men hệ tank nhỏ DN50, lớn DN65	Chống thất thoát nhiệt, tiết kiệm năng lượng	100
06	Đại tu một máy nén khí ZT30	Máy hoạt động trên 10 năm	700
07	Hệ thống máy nấu keo Hăng sản xuất: Nordson - PROBLUE 10 - 1022236 - S/N: SA15L18604	Máy đưa vào sử dụng năm 2017, máy đã sửa nhiều lần, hiện tại đang mượn thiết bị bơm keo của nhà cung cấp keo để chạy.	650
08	Lắp thêm 32 tấm trao đổi nhiệt cho thiết bị làm lạnh dịch nha	Để tiết kiệm điện sản xuất nước lạnh, tiết kiệm hơi sản xuất nước nóng	250
09	Thay thế cốc ngưng hệ nấu	Tiết kiệm năng lượng	400
10	Đầu tư sửa chữa lớn thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	Sửa chữa đột xuất	800
Tổng cộng			16.996

» BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Việc thực hiện tiêu thụ và xử lý hợp lý các chỉ tiêu môi trường như điện, nước, năng lượng, phát thải đã diễn ra đúng hoạch định, đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty ghi nhận sự nỗ lực hoàn thành tốt mục tiêu công việc của tập thể cán bộ công nhân viên, qua đó đánh giá cao tinh thần đoàn kết và tuân thủ tốt các nội quy, quy chế Công ty. Để quản trị tốt hơn, Công ty đang ngày càng hoàn thiện các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động và Ban điều hành, từ đó tạo động lực làm việc cho người lao động luôn gắn bó và đồng hành cùng Công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn làm tròn trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương từ những khoản đóng góp, hỗ trợ đến người dân song song với ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trên địa bàn hoạt động. Công ty cam kết tạo nên những giá trị thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng, góp phần truyền thông hiệu quả, phát huy thế mạnh văn hóa thương hiệu Bia Sài Gòn, nâng tầm vị thế, hình ảnh và thương hiệu của các sản phẩm bia, nước tinh khiết đến với cộng đồng.



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- » 52 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- » 52 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
- » 53 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



» ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022, Hội đồng quản trị đã có những quyết sách quan trọng đến chiến lược phát triển công ty trong công tác triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, công tác tổ chức giám sát hoạt động quản lý của Ban Tổng Giám đốc và các quyết định đầu tư công nghệ thiết bị hiện đại nhằm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, môi trường, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo chỉ tiêu của SABECO. Ngoài ra, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban điều hành dẫn dắt Công ty phát triển cùng với tốc độ phát triển của ngành, đồng thời phát huy những thế mạnh giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn, hướng đến phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Hội đồng quản trị ghi nhận sự nỗ lực vượt qua các thách thức và chủ động trong việc triển khai các công tác xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để hạn chế tối đa những khó khăn và cùng hòa mình vào nền kinh tế còn nhiều biến động trong thời gian tới, Hội đồng quản trị Công ty sẽ cố gắng linh hoạt, cập nhật thực trạng nền kinh tế, tận dụng những cơ hội, chính sách ưu đãi của Chính phủ... để phát huy những lợi thế của Công ty, tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới, phục vụ cho nhu cầu địa phương, khu vực, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính.

Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được và chung tay xây dựng, phát triển doanh nghiệp trên cơ sở duy trì những thế mạnh hiện có và thích nghi với môi trường kinh doanh trong thời gian tới, Hội đồng quản trị định hướng các nhiệm vụ quan trọng như sau:

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Xây dựng thương hiệu, các hoạt động phát triển thị trường và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực đồ uống.
- Đổi mới công tác quản trị, công tác quản lý nguồn nhân lực, áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên.
- Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, nhân lực, vật lực, tiết kiệm chi phí trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh
- Đầu tư các hạng mục mang tính cấp thiết, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.
- Tiếp tục rà soát toàn diện và hoàn thiện hệ thống tài liệu nội bộ, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Công ty.
- Xây dựng lại quy chế lương của công ty, đảm bảo chế độ tiền lương và phúc lợi ổn định cho người lao động.
- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin.

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- » 56 Hội đồng quản trị
- » 62 Ban kiểm soát
- » 66 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị: Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Lê Hoa	Chủ tịch HĐQT	2.881.500	14,41%
2	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT	1.891.807	9,46%
3	Văn Thanh Liêm	Thành viên HĐQT	1.082.942	5,42%
4	Lê Hoàng Thịnh	Thành viên HĐQT	654.225	3,27%
5	Nguyễn Huy Thắng	Thành viên HĐQT	2.316.250	11,58%

Lý lịch Hội đồng quản trị

BÀ TRẦN LÊ HOA Chủ tịch HĐQT <ul style="list-style-type: none">Năm sinh: 1975Quốc tịch: Việt NamTrình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá thực phẩm, Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD (MBA)

Quá trình làm việc:			
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	
06/1988 đến 08/1988	Kho thành phẩm - Công ty Bia Sài Gòn		
08/1998 đến 10/2001	Xưởng chiết Bia - Công ty Bia Sài Gòn		
11/2001 đến 09/2005	Phòng Kỹ thuật - Công ty Bia Sài Gòn		
10/2005 đến 04/2016	Ban Kỹ thuật - Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
04/2016 đến nay	Ban Kiểm soát chất lượng - Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
05/2018 đến 4/2022	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Thành viên HĐQT	
25/4/2022 đến nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Chủ tịch HĐQT	
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:			
Giám đốc Kiểm soát Chất lượng Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn			
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:			
Số lượng cổ phần sở hữu	2.881.500	cổ phần, chiếm tỷ lệ	14,41%
Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	2.881.500	cổ phần, chiếm tỷ lệ	14,41%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

BÀ NGUYỄN THỊ KIM CÚC

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình làm việc:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997 - 2000:	Công ty TNHH Tân Đại Hải	Chuyên viên kiểm soát
2000 - 2008	Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Chuyên viên mua hàng
2008 - 2010	Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Phụ trách bộ phận quản lý mua hàng trong nước
2010 - 2017	Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO)	Phó Trưởng Ban mua hàng
2017 - 2019	Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO)	Trưởng Ban mua hàng
2017 - Nay:	Công ty TNHH Bao bì Sanmiguell Yamamura Phú Thọ	Người đại diện vốn
	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây	Thành viên HĐQT
	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Thành viên HĐQT
2019 – Nay:	Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Thành viên HĐQT
	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung	Thành viên HĐQT
	Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Giám đốc mua hàng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc mua hàng Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn;
- Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây;
- Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung;
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bao bì Sanmiguell Yamamura Phú Thọ;
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng;

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu	1.891.807	cổ phần, chiếm tỷ lệ	9,46%
Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	1.891.807	cổ phần, chiếm tỷ lệ	9,46%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG VŨN THANH LIÊM

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1950
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

Quá trình làm việc:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2005 - nay	CTCP Bia Sài Gòn Bình Tây	Chủ tịch HĐQT
01/2007 - nay	CTCP Bao bì Sabeco Sông Lam	Chủ tịch HĐQT
06/2007 - nay	CTCP Bia Sài Gòn Phú Lý	Chủ tịch HĐQT
05/2015 - nay	CTCP Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn	Chủ tịch HĐQT
04/2017 - nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn Bình Tây
- Chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT CTCP Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu	1.082.942	cổ phần, chiếm tỷ lệ	5,42%
Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	1.082.942	cổ phần, chiếm tỷ lệ	5,42%



ÔNG LÊ HOÀNG THỊNH

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1990
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính kế toán

Quá trình làm việc:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2011 đến 2012	Công ty Ernst & Young Việt Nam	Chuyên viên dịch vụ tư vấn
Từ 2012 đến 2014	Công ty Crown Holdings (Singapore)	Chuyên viên đầu tư
Từ 2015 đến 2018	Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	Phó phòng thị trường xuất nhập khẩu
Từ 2017 đến nay	CTCP đầu tư Vanda	Giám đốc điều hành
Từ 2019 đến nay	CTCP Saigon Futures	Chủ tịch HĐQT
Từ 2021 đến nay	CTCP Vanda Esports	Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc CTCP Dr Biomass

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu	654.225	cổ phần, chiếm tỷ lệ	3,27%
Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	654.225	cổ phần, chiếm tỷ lệ	3,27%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

ÔNG NGUYỄN HUY THĂNG

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình làm việc:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1988 đến 1995	Southland Canada Inc. Vancouver BC, Canada	Kế toán
Từ 1995 đến 2001	PricewaterhouseCoopers (Vietnam)	Kế toán
Từ 2001 đến nay	Công ty TNHH Dịch vụ kế toán Nguyễn và Cộng sự	Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ kế toán Nguyễn và Cộng sự

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu	2.316.250	cổ phần, chiếm tỷ lệ	11,58%
Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	2.316.250	cổ phần, chiếm tỷ lệ	11,58%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị năm 2022

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã có những thay đổi như sau:

- Bổ nhiệm Bà Trần Lê Hoa, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 25/04/2022;
- Bổ nhiệm Ông Lê Hoàng Thịnh, giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành kể từ ngày 16/04/2022;
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Huy Thăng giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành kể từ ngày 16/04/2022.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát công tác điều hành thông qua:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch quan trọng trong năm mà Ban điều hành đã cam kết;
- Phối hợp với Ban kiểm soát thông qua các báo cáo đề xuất nhằm nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, để từ đó có những chỉ đạo thiết thực giúp Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị giao;
- Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo kiểm tra các hoạt động tại các địa điểm kinh doanh, đại lý và nhà phân phối, nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, có sự phối hợp tốt với Ban điều hành và Ban kiểm soát đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Lê Hoa	Chủ tịch HĐQT	10	100%
2	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT không điều hành	10	100%
3	Văn Thanh Liêm	Thành viên HĐQT không điều hành	10	100%
4	Lê Hoàng Thịnh	Thành viên HĐQT không điều hành	08	80%
5	Nguyễn Huy Thăng	Thành viên HĐQT không điều hành	08	80%



Nghị quyết của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức 10 phiên họp, ngoài ra Công ty có 02 lần lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ/HĐQT/2022	23/02/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
2	02/NQ/HĐQT/2022	16/03/2022	Thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
3	03/NQ/HĐQT/2022	16/03/2022	Thông qua việc chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021
4	04/NQ/HĐQT/2022	16/03/2022	Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2022
5	05/NQ/HĐQT/2022	25/04/2022	Thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027
6	06/NQ/HĐQT/2022	25/04/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Quyền Kế toán trưởng kể từ ngày 26/4/2022 đến 25/10/2022
7	07/NQ/HĐQT/2022	30/05/2022	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng kể từ ngày 31/5/2022
8	08/NQ/HĐQT/2022	01/06/2022	Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật
9	09/NQ/HĐQT/2022	20/07/2022	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chia cổ tức. Thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch, các thủ tục mở tài khoản đăng ký dịch vụ, đăng ký thay đổi và các dịch vụ khác liên quan đến tài khoản tại Ngân hàng.
10	10/NQ/HĐQT/2022	21/07/2022	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Cần Thơ.
11	11/NQ/HĐQT/2022	02/08/2022	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tây Cần Thơ.
12	12/NQ/HĐQT/2022	04/08/2022	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Tây Cần Thơ.
13	13/NQ/HĐQT/2022	08/08/2022	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam.
14	14/NQ/HĐQT/2022	28/10/2022	Thông qua việc chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2022
15	15/NQ/HĐQT/2022	28/10/2022	Thông qua việc Ban hành quy chế công bố thông tin của Công ty

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Loan Anh	Trưởng BKS	0	0%
2	Nguyễn Đồng Diễm Trâm	Thành viên BKS	0	0%
3	Phạm Văn Tiến	Thành viên BKS	39.852	0.20%

Lý lịch Ban kiểm soát

BÀ TRẦN THỊ LOAN ANH
Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán

Quá trình làm việc:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2003 - 2008	Công ty may Tây Đô	Kế toán Tổng hợp
2009 - 05/2010	Công ty TNHH Thủy Sản Panga Mekong	Kế toán Tổng hợp
06/2010 đến nay	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây	Kế toán Tổng hợp, Phó phòng kế toán - Phụ trách phòng kế toán, Trưởng ban kiểm soát
03/2016 - 04/2022	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Thành viên ban kiểm soát
04/2022 đến nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Trưởng ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

BÀ NGUYỄN ĐỒNG DIỄM TRÂM

Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1990
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình làm việc:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2012 - 04/2015	Abbott Việt Nam	Chuyên viên kế toán
05/2015 - 02/2017	Tổng công ty THACO -Trường Hải	Chuyên viên phân tích và lập kế hoạch
02/2017 - 10/2020	DKSH Việt Nam	Kiểm soát tài chính
Từ 10/2020 - nay	Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Chuyên viên tài chính cấp cao (Phụ trách khối nhà máy)
04/2021 đến nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên tài chính cấp cao - Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

ÔNG PHẠM VĂN TIẾN

Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Anh văn

Quá trình làm việc:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/2000 đến 08/2001	Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam	Nhân viên kinh doanh
Từ 08/2001 đến 08/2006	Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam, Chi nhánh Cần Thơ	Phụ trách kinh doanh
Từ 08/2006 đến 12/2006	Công ty Euro Window	Trưởng Showroom Cần Thơ
Từ 05/2007 đến nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Trưởng phòng kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu	39.852	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,20%
Sở hữu cá nhân	39.852	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,02%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Thị Loan Anh	Trưởng Ban kiểm soát	04	100%
2	Nguyễn Đồng Diễm Trâm	Thành viên Ban kiểm soát	04	100%
3	Phạm Văn Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	03	75%

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

- Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ để lên kế hoạch công tác, Trưởng Ban kiểm soát lên kế hoạch công tác phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tổ chức họp định kỳ hàng quý.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đối với Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành;
- Thực hiện giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo: Tình hình tài chính trung thực, hợp lý; Công tác kế toán, thống kê, ghi chép theo chuẩn mực và Luật kế toán hiện hành;
- Các hoạt động sản xuất kinh doanh: Sự tuân thủ các quy chế quy định nội bộ; sự chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến các hoạt động; xem xét hồ sơ, kết quả kiểm kê theo định kỳ của Công ty;
- Xem xét tình hình triển khai các hạng mục đầu tư, sự tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình đầu tư.

Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông

- Tham gia đầy đủ các phiên họp do HĐQT Công ty chủ trì để nắm bắt tình hình kinh doanh, những thông tin về quản trị điều hành của Công ty và tham gia ý kiến, đưa ra kiến nghị HĐQT, BTGD Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn;
- Thẩm tra các báo cáo tài chính hàng tháng, quý, báo cáo 06 tháng, báo cáo năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính cũng như giám sát việc tuân thủ các qui định Pháp luật, điều lệ, quy chế Công ty;
- Tham gia vào tổ soạn thảo, soát xét các quy chế của Công ty, góp phần xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả và phù hợp pháp luật hiện hành;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty, phân tích đánh giá thận trọng đưa ra các ý kiến đóng góp với BTGD hoặc cá nhân có trách nhiệm.

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong thời gian tới

- Tiếp tục giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định liên quan khác của Luật doanh nghiệp và pháp luật Nhà nước;
- Thực hiện các chuyên đề đánh giá giám sát chuyên sâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động đầu tư;
- Phối hợp, thông tin liên lạc giữa các thành viên Ban kiểm soát cũng như các thành viên trong HĐQT, Ban điều hành Công ty;
- Tham gia cùng với Ban điều hành Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ và quy trình quản lý trong Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và Tên	Thù lao (triệu đồng)	Lương	Thưởng	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
Hội đồng quản trị						
1	Trần Lê Hoa (từ 25/04/2022)	195	-	-	2.881.500	14,41%
2	Nguyễn Thị Kim Cúc	144	-	-	1.891.807	9,46%
3	Văn Thanh Liêm	144	-	-	1.082.942	5,41%
4	Lê Hoàng Thịnh (từ 16/04/2022)	102	-	-	654.225	3,27%
5	Nguyễn Huy Thắng (từ 16/04/2022)	102	-	-	2.316.250	11,58%
6	Lê Hồng Xanh (đến 16/04/2022)	63	-	-	-	-
7	Nguyễn Bích Đạt (đến 16/04/2022)	42	-	-	138.655	0,69%
Ban điều hành						
1	Trần Công Toại		1.181	-	21.903	0,11%
2	Phan Duy Linh		797	-	32.456	0,16%
3	Phùng Trấn Vũ		768	-	-	-
4	Mai Thị Bạch Yến (từ 26/04/2022)	-	377	-	27.812	0,14%
Ban kiểm soát						
1	Trần Thị Loan Anh (từ 28/04/2022)	97,5	-	-	-	-
2	Nguyễn Đồng Diễm Trâm	72	-	-	-	-
3	Phạm Văn Tiến (từ 16/04/2022)	51	-	-	39.852	0,20%
4	Mai Thị Bạch Yến (đến 16/04/2022)	-	117	-	27.812	0,14%

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ trong năm 2022 như sau:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Tổng CTCP						
1	Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Cổ đông	0300583659	TP.HCM	31/12/2021	Hợp đồng sản xuất và cung ứng
Tổng CTCP						
2	Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Cổ đông	0300583659	TP.HCM	01/07/2019	Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hóa. Giá trị hợp đồng 200.00.000 VND/năm hợp đồng chưa bao gồm VAT
Tổng CTCP						
3	Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Cổ đông	0300583659	TP.HCM	01/01/2022 đến 31/03/2022	Hợp đồng mua bán vật liệu và kiểm soát sản xuất năm 2020. Tổng giá trị hợp đồng: 366.271.407.882
Tổng CTCP						
4	Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Cổ đông	0300583659	TP.HCM	06/04/2022	Hợp đồng dán tem thùng bia lon lager khuyến mãi 129 VND/ thùng

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn hướng tới việc hoàn thiện và nâng cao năng lực quản trị công ty, gia tăng hiệu quả hoạt động, kiện toàn bộ máy tổ chức, không ngừng nỗ lực để khắc phục những mặt hạn chế và phát huy những điểm tốt trong công tác quản trị, thông qua việc chấp hành tốt các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;
- Các thông tư, quy định về quản trị công ty, về hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Các văn bản luật có liên quan khác.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

» 70 Ý kiến kiểm toán

» 72 Báo cáo tài chính được kiểm toán





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00364-23-2



Nguyễn Thủy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1



Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)				
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		155.917.976.884	221.140.468.623
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	45.820.264.311	56.137.423.757
Tiền	111		620.264.311	3.837.423.757
Các khoản tương đương tiền	112		45.200.000.000	52.300.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		57.850.000.000	124.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	57.850.000.000	124.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.327.901.631	3.728.619.379
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.353.628.400	1.319.957.122
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		194.673.517	528.362.334
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.779.599.714	1.880.299.923
Hàng tồn kho	140	9	43.342.053.022	36.555.002.827
Tài sản ngắn hạn khác	150		577.757.920	219.422.660
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		574.068.978	215.733.718
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.688.942	3.688.942
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		173.412.933.794	168.613.839.572
Tài sản cố định	220		121.523.653.642	138.498.197.507
Tài sản cố định hữu hình	221	10	121.523.653.642	138.498.197.507
Nguyên giá	222		522.777.046.981	519.502.982.981
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(401.253.393.339)	(381.004.785.474)
Tài sản dở dang dài hạn	240		578.374.587	1.314.223.587
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	578.374.587	1.314.223.587
Đầu tư tài chính dài hạn	250		50.030.357.403	27.788.077.112
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(4.539.642.597)	(1.711.922.888)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	49.570.000.000	24.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.280.548.162	1.013.341.366
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.245.218.162	978.011.366
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		35.330.000	35.330.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		329.330.910.678	389.754.308.195

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)				
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		49.478.574.416	95.943.850.524
Nợ ngắn hạn	310		49.478.574.416	95.943.850.524
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.987.719.513	9.073.778.824
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		502.120.220	91.664.987
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	36.499.348.109	35.701.412.793
Phải trả người lao động	314		3.841.699.988	3.361.865.467
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		748.363.750	2.084.537.870
Phải trả ngắn hạn khác	319		2.457.534.362	2.253.077.424
Vay ngắn hạn	320	15	-	41.734.700.354
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	1.441.788.474	1.642.812.805
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		279.852.336.262	293.810.457.671
Vốn chủ sở hữu	410	17	279.852.336.262	293.810.457.671
Vốn cổ phần	411	18	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		21.938.000.000	21.938.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	41.451.256.847	41.451.256.847
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.463.079.415	30.421.200.824
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.421.200.824	17.972.584.863
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		6.041.878.591	12.448.615.961
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		329.330.910.678	389.754.308.195

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Công Toại
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	402.821.783.826	291.021.209.186
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	358.242.068.772	260.997.854.376
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		44.579.715.054	30.023.354.810
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	10.550.534.003	8.637.767.752
Chi phí tài chính	22	25	4.323.356.255	3.726.020.330
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.450.762.701	2.014.097.442
Chi phí bán hàng	25		1.682.147.326	989.331.550
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	18.904.181.618	16.490.948.487
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		30.220.563.858	17.454.822.195
Thu nhập khác	31		120.755.009	199.888.783
Chi phí khác	32	27	6.042.743.147	49.973.844
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(5.921.988.138)	149.914.939
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		24.298.575.720	17.604.737.134
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	6.456.697.129	3.691.613.356
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		17.841.878.591	13.913.123.778
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	817	637

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Trần Công Toại
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		24.298.575.720	17.604.737.134
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		20.248.607.865	23.699.561.372
Các khoản dự phòng	03		2.827.719.709	1.711.922.888
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.550.534.003)	(8.637.767.752)
Chi phí lãi vay	06		1.450.762.701	2.014.097.442
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		38.275.131.992	36.392.551.084
Biến động các khoản phải thu	09		(3.839.535.422)	6.066.591.963
Biến động hàng tồn kho	10		(6.787.050.195)	2.661.421.925
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.546.952.018)	(15.930.789.200)
Biến động chi phí trả trước	12		(625.542.056)	2.376.044.839
			21.476.052.301	31.565.820.611
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.450.762.701)	(2.014.097.442)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.739.296.534)	(4.422.989.735)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.701.024.331)	(3.815.028.392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.584.968.735	21.313.705.042
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(2.538.215.000)	(1.581.227.656)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(263.320.000.000)	(339.800.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		304.900.000.000	338.400.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		9.790.787.173	12.052.360.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		48.832.572.173	9.071.133.061

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	121.282.702.371	231.409.538.790
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(163.017.402.725)	(269.674.838.436)
Tiền chi trả cổ tức	36	(30.000.000.000)	(20.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(71.734.700.354)	(58.265.299.646)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(10.317.159.446)	(27.880.461.543)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	56.137.423.757	84.017.885.300
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	45.820.264.311	56.137.423.757

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Trần Công Toại
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia và mạch nha ủ men bia, rượu, đồ uống không cồn, nước khoáng,...

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 121 nhân viên (1/1/2022: 123 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 15 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(g) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) **Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 180”), quy định Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho các nhân viên đủ điều kiện. Quy định của Thông tư 180 có sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”). Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

(k) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi; và cung cấp dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	143.276.941	660.603.415
Tiền gửi ngân hàng	476.987.370	3.176.820.342
Các khoản tương đương tiền (*)	45.200.000.000	52.300.000.000
	45.820.264.311	56.137.423.757

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ đáo hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,20% đến 6% một năm (1/1/2022: từ 3,20% đến 3,90% một năm).

6. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,5% đến 10% một năm (1/1/2022: từ 3,5% đến 5,2% một năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5% đến 9,2% một năm (1/1/2022: từ 5,0% đến 5,2% một năm).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2022		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	500.000	4,3%	5.000.000.000	(*)	(4.539.642.597)

Tên công ty	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2022		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	500.000	4,3%	5.000.000.000	(*)	(1.711.922.888)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	1.711.922.888	-
Tăng trong năm	2.827.719.709	1.711.922.888
Số dư cuối năm	4.539.642.597	1.711.922.888

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, một bên liên quan	5.279.828.400	1.085.700.022
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây, một bên liên quan	-	234.257.100
Các khách hàng khác	73.800.000	-
	5.353.628.400	1.319.957.122

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu lãi tiền gửi	2.521.963.129	1.762.216.299
Tạm ứng cho nhân viên	247.636.585	113.083.624
Phải thu khác	10.000.000	5.000.000
	2.779.599.714	1.880.299.923

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	10.986.563.933	-	9.573.178.079	-
Công cụ và dụng cụ	2.554.720.158	-	2.111.980.610	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.846.013.680	-	15.339.991.466	-
Thành phẩm	15.954.755.251	-	9.529.852.672	-
	43.342.053.022	-	36.555.002.827	-

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	60.958.922.529	450.401.010.187	7.878.596.832	264.453.433	519.502.982.981
Tăng trong năm	-	488.515.000	-	-	488.515.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.785.549.000	-	-	2.785.549.000
Số dư cuối năm	60.958.922.529	453.675.074.187	7.878.596.832	264.453.433	522.777.046.981
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	48.365.684.836	326.628.266.634	5.746.380.571	264.453.433	381.004.785.474
Khấu hao trong năm	2.429.728.369	17.061.614.148	757.265.348	-	20.248.607.865
Số dư cuối năm	50.795.413.205	343.689.880.782	6.503.645.919	264.453.433	401.253.393.339
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	12.593.237.693	123.772.743.553	2.132.216.261	-	138.498.197.507
Số dư cuối năm	10.163.509.324	109.985.193.405	1.374.950.913	-	121.523.653.642

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 246.792 triệu VND (1/1/2022: 193.967 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	1.314.223.587	64.674.587
Tăng trong năm	2.049.700.000	1.249.549.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.785.549.000)	-
Số dư cuối năm	578.374.587	1.314.223.587

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	960.447.977	17.563.389	978.011.366
Tăng trong năm	275.098.621	1.127.391.758	1.402.490.379
Phân loại lại	(522.358.049)	522.358.049	-
Phân bổ trong năm	(268.717.221)	(866.566.362)	(1.135.283.583)
Số dư cuối năm	444.471.328	800.746.834	1.245.218.162

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	273.324.523	6.825.582.799
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	161.113.800	44.115.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	-	13.186.800
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	1.214.694.000	844.679.000
Công ty TNHH Vận tải Hoàng Hải Huỳnh	436.919.500	214.872.614
Các nhà cung cấp khác	1.901.667.690	1.131.342.111
	3.987.719.513	9.073.778.824

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	31.123.126.338	391.928.179.792	(391.748.712.630)	-	31.302.593.500
Thuế giá trị gia tăng	3.753.616.741	78.906.125.320	(48.290.835.695)	(30.732.476.577)	3.636.429.789
Thuế thu nhập doanh nghiệp	679.855.381	6.456.697.129	(5.739.296.534)	-	1.397.255.976
Thuế thu nhập cá nhân	144.814.333	1.577.284.295	(1.559.029.784)	-	163.068.844
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	35.701.412.793	478.871.286.536	(447.340.874.643)	(30.732.476.577)	36.499.348.109

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2022 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	41.734.700.354	121.282.702.371	(163.017.402.725)	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
▪ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	2,9%	-	41.734.700.354

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	1.642.812.805	4.106.333.380
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	187.000.000
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	1.500.000.000	1.164.507.817
Sử dụng trong năm	(1.701.024.331)	(3.815.028.392)
Số dư cuối năm	1.441.788.474	1.642.812.805

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	38.159.584.863	301.548.841.710
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.913.123.778	13.913.123.778
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(187.000.000)	(187.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(1.164.507.817)	(1.164.507.817)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	30.421.200.824	293.810.457.671
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	17.841.878.591	17.841.878.591
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	16.463.079.415	279.852.336.262

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 16 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 20.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (2021: 20.000 triệu VND, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020).

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 10.000 triệu VND, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.328.063.154	1.328.063.154
Từ hai đến năm năm	5.312.252.616	5.312.252.616
Sau năm năm	11.952.568.386	13.280.631.540
	18.592.884.156	19.920.947.310

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.800.000.000	2.894.556.401
Đã được duyệt và chưa ký kết hợp đồng	5.986.300.000	-
	7.786.300.000	2.894.556.401

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2022	2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	396.412.692.757	286.504.771.627
Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt	788.340.872.549	558.390.008.970
Thuế tiêu thụ đặc biệt	391.928.179.792	271.885.237.343
▪ Cung cấp dịch vụ	461.014.715	207.746.180
▪ Doanh thu khác	5.948.076.354	4.308.691.379
	402.821.783.826	291.021.209.186

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	354.738.062.047	254.030.036.083
▪ Giá vốn khác	3.504.006.725	6.967.818.293
	<div></div>	<div></div>
	358.242.068.772	260.997.854.376

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	10.550.534.003	8.637.767.752

25. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	1.450.762.701	2.014.097.442
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.827.719.709	1.711.922.888
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.873.845	-
	<div></div>	<div></div>
	4.323.356.255	3.726.020.330

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	8.886.103.051	6.622.373.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.914.895.853	4.701.392.068
Chi phí khấu hao	890.430.633	947.696.359
Chi phí quản lý khác	4.212.752.081	4.219.486.720
	<div></div>	<div></div>
	18.904.181.618	16.490.948.487

27. Chi phí khác

	2022 VND	2021 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm ngừng sử dụng	6.033.752.916	-
Chi phí khác	8.990.231	49.973.844
	<div></div>	<div></div>
	6.042.743.147	49.973.844

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	315.141.838.548	205.632.965.274
Chi phí nhân công và nhân viên	32.170.930.875	26.177.140.161
Chi phí khấu hao	20.248.607.865	23.699.561.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.537.304.475	16.946.984.232
Chi phí khác	6.287.757.035	6.897.077.507

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	6.456.697.129	3.691.613.356

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	24.298.575.720	17.604.737.134
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.859.715.144	3.520.947.427
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.596.981.985	170.665.929
	<div></div>	<div></div>
	6.456.697.129	3.691.613.356

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phần bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	17.841.878.591	13.913.123.778
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.500.000.000)	(1.164.507.817)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	16.341.878.591	12.748.615.961

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 20.000.000 cổ phiếu.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	784.710.551.197	555.610.639.470
Mua nguyên vật liệu	292.621.108.197	183.693.588.850
Bán nguyên vật liệu	-	242.435.892
Cổ tức đã trả	4.322.250.000	2.881.500.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán nguyên vật liệu	458.185	212.961.000
Mua nguyên vật liệu	43.407.900	47.952.000
Cổ tức đã trả	2.837.710.500	1.891.807.000

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Cổ tức đã trả	1.657.500.000	1.105.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng vỏ chai	-	111.856.063
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua công cụ và dụng cụ	-	40.105.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	-	109.710.150
Cổ tức đã trả	828.750.000	525.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Cổ tức đã trả	828.750.000	525.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Bà Trần Lê Hoa - Chủ tịch (từ ngày 25 tháng 4 năm 2022)	195.000.000	-
Ông Lê Hồng Xanh - Chủ tịch (đến ngày 25 tháng 4 năm 2022)	63.000.000	96.000.000
Ông Văn Thanh Liêm - Thành viên	144.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Thành viên	144.000.000	78.000.000
Ông Lê Hoàng Thịnh - Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2022)	102.000.000	-
Ông Nguyễn Huy Thắng - Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2022)	102.000.000	-
Ông Nguyễn Bích Đạt - Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)	42.000.000	72.000.000
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao và thu nhập</i>		
Bà Trần Thị Loan Anh - Trưởng ban (từ ngày 28 tháng 4 năm 2022)	97.500.000	52.000.000
Bà Mai Thị Bạch Yến - Trưởng ban (đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)	-	385.060.291
Bà Nguyễn Đông Diễm Trâm - Thành viên	72.000.000	-
Ông Phạm Văn Tiến - Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2022)	51.000.000	-
Ông Đặng Quang Minh - Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2021)	-	12.000.000

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Nhân sự quản lý chủ chốt Lương, thưởng và phúc lợi khác	3.345.194.599	2.074.554.366

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập: 
Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra: 
Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt: 
Trần Công Toại
Tổng Giám đốc





**BIA
SAIGON®**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ

Cần Thơ, ngày 10 tháng 04 năm 2023
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TRẦN CÔNG TOẠI





CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ



www.biasaigontaydo.com.vn



02923 842 538



02923 842 310



Lô 22, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ